

THIEN-CƠ HUYỀN-BÍ

TẠO-LẬP VŨ-TRỤ

và

SANH-HÓA MUÔN LOÀI VĂN-VẬT

Giai theo khoa-hoc



TỬ-VI VÀ Y-LÝ ĐÔNG-PHƯƠNG

VỀ Y-LÝ ĐÔNG-PHƯƠNG.— Phân tích cơ-thể con người từ mạnh mún, xương thịt và ngũ tạng, lục phủ làm bằng chất gì; Tại sao đau, tại sao ốm. Khi đau phải dùng thuốc gì cho hợp chứng bệnh, và bồi bổ cơ-thể.

TỬ-VI ĐẦU-SỐ.— Giải cho biết sự thạnh suy của một cá nhân, sự hưng vong của một quốc-gia.

Tác-giả : NGUYỄN-VĂN-LƯỢNG

THÔNG-THƯ-TV iHỌC, 468/1, Võ-di-Nguy Gia-dinh

ĐÓI LỜI KHEN TẶNG

Tôi rất ngạc nhiên, khi đọc hết quyển sách « TẠO-LẬP VŨ-TRỤ » của ông Nguyễn-văn-Lượng.

Riêng phần tôi, đứng về mặt y-học Đông-phương, tôi thành thật khen ngợi ông, nhiều công phu, cỗ-công sưu-tầm và khảo-cứu nên mới viết nổi quyển này, lời dẫn giải tuy vẫn tắt mà đầy đủ lại dễ hiểu và đúng lý.

Tôi xin giới thiệu cùng các bạn y-sĩ nên đọc quyển « TẠO-LẬP VŨ-TRỤ » của ông Nguyễn-văn-Lượng để rộng kiến văn về khoa y-học Đông-phương, hoàn toàn là một khoa-học một khoa-học siêu-hình.

ĐỖ - PHONG - THUẦN

Đồng y-sĩ

Cựu chủ-tịch liên-đoàn Đông y-sĩ V.N.

27, Huỳnh-tịnh-Của Tân-Đinh

SAIGON

LỜI NÓI ĐẦU

Từ xưa đến nay, khoa Tử-vi, và khoa Y-lý Đông-phương, vẫn còn ở trong vòng huyền-bí, vì lẽ hai khoa này thuộc về hình-nhi-thượng-học, một khoa-học siêu-hình, mà tay phàm không rõ dung, mắt phàm không thấy nổi, nhưng nó vẫn có, có một cách thiết-thật.

Quyển sách này có lẽ là quyển đầu tiên bằng tiếng Việt, thâu-thập cả ý-nghĩa đại-cương về y-lý Đông-phương và Tử-vi học, rồi tóm tắt lại, trình bày ra đây theo lối khoa-học. Bạn đọc xem đến đâu, thì đều nhận thấy hai khoa nói trên không còn là huyền-bí nữa và hoàn-toàn là khoa-học, một khoa-học siêu-hình.

Về phần Y-lý Đông-phương : Phân-chất cơ-thể con người, từ manh-múng, biết được xương thịt và ngũ-tạng, lục phủ, làm bằng chất gì, tại sao phải đau, khi đau phải uống thuốc gì để cho lành mạnh.

Phân chất : kim-thạch, thảo-mộc và cẩm thú, biết được thứ nào thuộc về chất gì. Khi đau ốm biết dùng chất ấy mà trị bệnh và bồi-bổ.

Về khoa Tử-vi : cho biết sự thanh-suy của một cá-nhơn, sự hưng-vong của một quốc-gia.

Về cá-nhơn : biết trước được lúc nào làm giàu, lúc nào suy-vi, lúc nào làm quan, làm tướng, lúc cưới vợ, lúc sanh con, lúc có tai họa, lúc đau và lúc chết, v.v...

Về quốc-gia : biết được lúc nào có giặc, giặc nỗi ở đâu, năm nào và chừng nào hết giặc, v.v...

Sau khi xem hết quyển sách, bạn đọc không còn lầm lạ về khoa siêu-hình, vì với cách trình-bày tường-tận nơi đây, rất rành-rẽ và dễ hiểu, nó không còn là huyền-bí nữa.

Quyển sách này còn giúp cho bạn đọc phá tan bức màn bí-mật về sự tạo-lập vũ-trụ, và sự sanh-hóa muôn loài vạn-vật.

SỰ TẠO LẬP VŨ-TRỤ

và sanh hóa muôn loài vạn-vật, tất cả đều do sự
biến-chuyển của

THÁI - CỰC — LƯỠNG - NGHI — TỨ - TƯỢNG

Tất cả hành-tinh và vạn vật mà được thành hình-thể là
đều do sự cấu-tạo của Âm-dương và Ngũ-hành : Kim, Mộc,
Thủy, Hỏa, Thổ.

Ngũ-hành là nguyên-chất căn-bản làm ra hình-thể của muôn
loài vạn-vật, ngũ-hành có màu sắc và mùi vị như sau đây :

- Kim* : sắc Trắng, mùi đắng ;
- Mộc* : sắc Xanh, mùi chua ;
- Thủy* : sắc Đen, mùi mặn ;
- Hỏa* : sắc Đỏ, mùi cay ;
- Thổ* : sắc Vàng, mùi ngọt.

oOo

SỰ TẠO LẬP VŨ-TRỤ

Khởi đầu do Thái-Cực

(L'Absolu — l'Incréé, le Sans Forme, le Chaos)

THÁI - CỰC

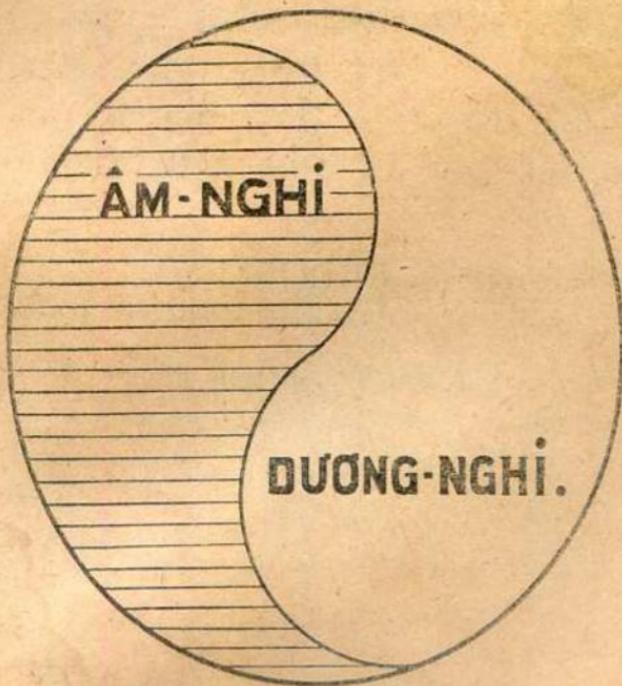
Thuở chưa khai Trời Đất, âm-dương và ngũ-hành còn
hỗn-độn, chưa phân định. Khối hỗn-độn ấy gọi là Thái-Cực.
Đến chừng âm-dương phân định do ý-chí của Đức Thượng-
Đế (âm-dương và ngũ-hành thứ nào rút về thứ này, thành
khối) : âm rút về âm, dương rút về dương, kim theo kim,
mộc theo mộc, v.v... .

Bấy giờ Thái-Cực mới phân ra làm hai gọi là Lưỡng-Nghi: Âm-Nghi và Dương-Nghi.

Thái-Cực phân lưỡng-nghi, tức là sanh-hóa các hành-tinh và địa-cầu.

LƯỠNG - NGHI

Tất cả hành-tinh đều chia ra làm hai Khối như dưới đây:



Âm-nghi

gồm có:

- Âm Kim-tinh
- Âm Mộc-tinh
- Âm Thủy-tinh
- Âm Hỏa-tinh
- Âm Thổ-tinh

Dương-nghi

gồm có:

- Dương Kim-tinh
- Dương Mộc-tinh
- Dương Thủy-tinh
- Dương Hỏa-tinh
- Dương Thổ-tinh

CÁCH SANH - HÓA MẶT TRỜI

Do sự cấu-tạo y như cách nói trên đây, chất Dương-Hỏa của một đại vũ-trụ (Grand Univers) khôi lại thành Mặt Trời, chỉ nên sách Tàu gọi Mặt Trời là Thái-Dương Hỏa-Tinh.

CÁCH SANH-HÓA MẶT-TRĂNG

Chất Âm-Thồ, cấu kết lại khôi thành Mặt-Trăng, chỉ nên sách Tàu gọi Mặt-Trăng là Thái-Âm-Thồ-Tinh.

SỰ TÍCH CỦA MẶT-TRĂNG

Mặt-Trăng xưa kia là một bầu Trái-Đất của Dãy Nguyệt-Cầu (1) có đủ muôn loài vạn-vật ở trên đó. Sau cuộc Tuần-huồn thứ bảy, nguồn sanh-lực của Dãy Nguyệt-Cầu (Mặt-Trăng) đi qua dãy Địa-Cầu, nên Mặt-Trăng phải chết; vạn vật và muôn loài thiểu sanh-lực để sống, cũng tàn-tạ hết. Các linh-hồn ở Cung-Trăng đều được đưa sang Địa-Cầu để tiếp tục tiến hóa cho đến ngày nay.

Những hình xám-xám xanh-xanh mà người ta thấy trên Mặt-Trăng và gọi là « thằng Cụi, cây Da » là những hòn núi cằn-cỗi, khô-khan, di-tích lại.

Mặt-Trăng sáng-là nhòe Mặt-Trời chiếu vào, rồi phản chiếu xuống Địa-Cầu.

Trăng khi tròn khi khuyết là vì Trái Đất khi đi ngay hướng có Mặt-Trời chiếu, hay khi đi cạnh qua một bên. Lúc đi ngay, thì người trên Địa-Cầu thấy Trăng tròn, lúc đi cạnh qua một bên thì thấy Trăng khuyết hoặc lưỡi liềm. Mặt-Trăng hiện nay là bầu Trái-Đất thứ ba của dãy Nguyệt-Cầu đã chết. Về trước nữa, có hai bầu Trái-Đất đã chết và cũng đã thành Mặt-Trăng, rồi tan-rã hóa ra bụi trần Tinh-tú (poussières d'astéroïdes).

Ảnh-hưởng của Mặt-Trăng (2).

Mặt-Trăng đối với Địa-Cầu có ảnh-hưởng rút nước.

Nó xoay chung quanh Địa-Cầu, giáp một vòng là 29 hoặc 30 ngày. Mặt-Trăng đi phia nào thì nước bị rút dần về phia ấy.

(1) Dãy Nguyệt-Cầu gồm có 7 bầu (6 bầu vô hình và 1 bầu hữu-hình) bầu hữu-hình tức là Mặt-Trăng.

(2) Về khoa Tứ-vi, sách Tàu gọi Mặt-Trăng là Sao Thái-Âm, có nhiều ảnh-hưởng về tánh-tinh, sự sang hèn, giàu nghèo; nếu ai sanh nhầm giờ của nó chiếu, và lúc ấy nó ở vào Cung đắc-dịa hay là hảm-dịa,

Nước lớn nước ròng (hoặc nước ròng, hay là nước kém) là tại ảnh-hưởng của Mặt-Trăng ; nếu không có Mặt-Trăng thì nước không ròng không lớn, và cứ đọng lại một mực mãi-mãi.

CÁCH SANH-HÓA ĐỊA-CẦU (*Trái Đất*)

Hồi sơ-khai Trái-Đất, Thái-Cực phân ra Luồng-Nghi, lúc ấy chất Âm-thồ câu-kết lại khối thành Trái-Đất. Trái-Đất lại chịu ảnh-hưởng của các hành-tinh khác xạ vào đủ chất ngũ-hành : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thồ. Nên ngoài chất chánh là Âm-Thồ (1), Trái-Đất còn có đủ chất : Kim, Mộc, Thủy và Hỏa nữa.

Năm chất ngũ-hành ở trong Trái-Đất tựu lại làm năm chỗ và chia Trái-Đất ra làm năm phần ; mỗi phần làm thành ra một Châu, năm phần thành ra năm Châu (Ngũ Châu = Cinq parties du Monde).

Năm Châu (*Ngũ Châu*).

Mỗi Châu do một hành làm căn-bản ; mỗi hành có một màu sắc riêng, tức là màu da của giống dân sống trên Châu ấy. Vì thế mà trên địa-cầu có năm Châu, năm giống dân, năm màu da.

1.— Âu-Châu thuộc hành Kim, sắc trắng, dân Âu-Châu màu da trắng ;

2.— Á-Châu, hành Thồ, sắc vàng, dân Á-Châu da vàng ;

3.— Phi-Châu, hành Thủy, sắc đen, dân Phi-Châu da đen ;

4.— Mỹ-Châu, hành Hỏa, sắc đỏ, dân Mỹ-Châu da đỏ (mọi da đỏ là giống dân chánh gốc của Mỹ-Châu) (2) ;

(1) Chất Âm-Thồ có thè gọi là bốn mạng của Trái-Đất, cũng như con người, kẻ thuộc về mạng thủy, người thuộc về mạng hỏa.

(2) Thuở xưa, ở Mỹ-Châu toàn là mọi da đỏ, và ngày nay cũng còn thiểu số mọi da đỏ ở Mỹ-Châu.

5.— Úc-Châu, hành Mộc, sắc xanh, dân Úc-Châu màu da xanh.

Giống dân chánh gốc của Úc-Châu là người « bà-lai-du », da xanh, hiện nay bị người Anh tiêu-diệt gần hết, còn một thiểu số sống sót tại đảo Bornéo.

oOo

TRÁI-ĐẤT CÓ NHIỀU CHỖ GIỐNG NHƯ CON NGƯỜI

Sách có nói con người là Bầu Trái-Đất nhỏ. Nói như thế không phải là vô căn-cứ. Đây là những sự so-sánh để chỉ rõ Trái-Đất cũng như con người.

- Con người có ngũ-tạng, Trái-Đất cũng có ngũ-tạng ;
- Con người sanh con đẻ cái, Trái-Đất cũng sanh con đẻ cái ;
- Con người thở ra hít vào, Trái-Đất cũng thở ra hít vào ;
- Con người có gan có máu chạy cùng khắp châu thân, Trái-Đất cũng có gan có máu như con người vậy ;
- Con người đau, già, chết, Trái-Đất cũng đau, cũng già, và cũng chết...

oOo

NGŨ-TẠNG CỦA TRÁI-ĐẤT

Con người có ngũ-tạng : Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận ;

Trái-Đất cũng có ngũ-tạng, tức là ngũ Châu : Âu, Á, Phi, Mỹ, và Úc.

Ngũ-tạng của con người thuộc về Ngũ-Hành, Ngũ-Hành hiện ra ngũ sắc.

Trái-Đất cũng có ngũ Châu, cũng thuộc về Ngũ-Hành, và mỗi Châu có một giống dân, một màu da riêng biệt.

TRÁI - ĐẤT SANH CON

Con người sanh-sản là nhở hai thứ : âm-tinh-trùng và dương-tinh-trùng, lúc giao-cấu, hòa-hợp kết-cấu thành bào-thai, hình-thể rồi sanh ra đứa nhỏ.

Trái-Đất cũng vậy, Trái-Đất xả ra âm-khí, Mặt-Trời xả xuống dương-khí, hai thứ âm-dương hòa-hợp sanh ra muôn loài vạn-vật (1).

oOo

TRÁI - ĐẤT CÓ BỘ MÁY HÔ - HẤP

(Thở ra hit vào)

Con người thở ra hit vào, mỗi phút là 15 hay 16 lần ; mỗi lần thở ra chất thán-khí (gaz carbonique) và hit vào chất dưỡng-khí (oxygène).

Trái-Đất cũng vậy, ban đêm thở ra chất thán-khí, ban ngày hit vào chất dưỡng-khí của Mặt-Trời. Mỗi ngày đêm 24 giờ, Trái-Đất thở ra, hit vào một lần mà thôi.

oOo

TRÁI - ĐẤT CŨNG CÓ BỘ MÁY TUẦN - HUỒN

(tức là có sự vận-chuyển máu huyết)

Con người có máu, do nơi Tim phát máu đi cùng khắp châu thân để nuôi cơ-thể. Trái-Đất cũng có Tim, có Máu và Gân máu.

Gân máu của Trái-Đất là sông, rạch ; máu là nước. Còn Tim của Trái-Đất tức là Biển. Biển phát nước cho sông, rạch, làm cho nước chau-lưu cùng khắp nơi, chỗ nào có sông, rạch (có nước), thì đất-dai phi-mỹ cũng như cơ thể con người, chỗ nào có máu huyết chau-lưu đến thi da-thịt nở-nang, tươi thắm.

(1) Trái-Đất cũng thọ thai, đến ngày nở nhuỵ khai hoa : nirc mình đẻ ra Trái Núi.

Nước do biển phát ra, đi thám-nhuần các phần đất rồi thành ra dơ, nước dơ trở ra biển lỏng cho trong sạch, rồi lại chảy vào sông, rạch, chau-lưu khắp chỗ đê nuôι Trái-Đất và vạn-vật. Cũng như trong con người máu, đỏ lưu-thông khắp chau-thân đê nuôι xương thịt, rồi trở thành dơ; máu dơ (máu đen) nhờ phổi cung-cấp dưỡng-khí (oxygène) tươi đỏ trở lại. Máu đỏ hùn về Tim rồi lại lưu-thông khắp chau-thân đê nuôι cơ-thể.

.00o

TRÁI ĐẤT ĐAU

Con người đau tại ngũ-tạng không điều-hòa, ngũ khí không đầy đủ. Sự mất quân-bình (déséquilibre) đó sanh ra bệnh.

Tỷ như tạng phế yếu, kém sanh-lực, sanh ra đau: phổi nám, hư, thui, lủng lỗ, tự sanh trùng.

Trái-Đất cũng vậy. Khi một tạng nào, nghĩa là một Châu nào mất quân-bình, thì dân-sự trên Châu ấy bị Thiên-tai «Ôn-dịch, Thời-khi», hoặc mất mùa chết đói. Thường khi Châu nào đau thì Châu ấy nỗi giặc (1), nhơn dân đồ-thân. Như trận giặc vừa qua (1939 – 1945) phát sanh tại Âu-Châu (2) là tại Trái-Đất đau về tạng Phế (đau phổi) vì Âu-Châu vi như là Phổi của Trái-Đất: Phế (Phổi) thuộc hành Kim, mà Kim thì sắc trắng, dân Âu-Châu màu da trắng.

00o

TRÁI ĐẤT GIÀ

Con người càng ngày càng già, mà lúc già thi cắn-cối, sanh con đẽ, nhỏ hơn mấy đứa con đầu lòng. Cây-trái cũng vậy, cây to thì trái to lớn, cây già thi trái nhỏ.

(1) Loài người thường hay đau ốm thi Trái-Đất cũng vậy; chỉ nên vài năm thi thấy nỗi giặc: khi ở Âu khi ở Á và luôn-luôn thường có giặc.

(2) Âu-Châu nỗi giặc có giải rõ nơi đoạn sau, nói về khoa tử-vi.

Trái-Đất cũng thế. Lâu ngày quá, Trái-Đất cũng già, mà càng già thì sanh-lực càng kém, nên nhơn-vật trên địa-cầu càng nhỏ lẩn. Thuở xưa, hình dáng tồ-tiên ta thô-kịch, vạm vỡ, vai ngang, ngực nở, vóc to sức mạnh. Còn người đời nay bé nhỏ, so vai rút cõi, sức yếu lực giảm. Về sau, nhơn-loại lai càng nhỏ bé hơn nữa, đó là bằng chứng Trái-Đất càng già, càng kém sanh-lực vậy (1).

oOo

TRÁI-ĐẤT SẼ CHẾT

Con người khi gần chết thi ngũ Tạng tê-liệt, ngũ Khi suy-kém, thành ra đau ốm, sanh-lực tiêu-tan, lẩn hồi... rồi chết.

Trái-Đất khi đã già quá rồi, mất lần lần sanh-lực. Ngũ Tạng (Ngũ Châu) của Trái-Đất cũng tê-liệt, chừng ấy trên địa-cầu chô nào cũng lộn-xộn (rối-rã), nỗi giặc tứ-tung, binh-hoạn lan-tràn, nhơn-loại và vạn-vật lần-lần tiêu-diệt; Trái-Đất sẽ chết khô, như Mặt-Trăng hiện nay là một hòn Trái-Đất đã chết khô vậy.

Khi Trái-Đất tàn-tạ, thi Mặt-Trăng cũng đến hồi tan-rã, Trái-Đất sẽ thay-thế Mặt-Trăng và sẽ là đuốc ngọc cung Thiểm tỏa ánh-sáng xanh mờ; là nguồn thi-cảm ru tâm-hồn, những nhơn-vật tương-lai của hòn Trái-Đất thứ năm sẽ sanh ra thế cho nhơn-vật trên Trái-Đất của chúng ta hiện nay (2) là hòn thứ tư.

TỨ - TƯỢNG

(*Les quatre formes de la Vie*)

Khi Thái-Cực phân Lưỡng-Nghi, sanh-hóa các Hành-Tinh và Địa-Cầu rồi, thi bấy giờ các Hành-Tinh mới xa thẳn-lực

(1) Trừ ra trường hợp những giống dân do Đức Bàn-Cỗ mới tạo ra, giống mới này sẽ to lớn và sống lâu hơn giống dân cũ.

(2) Xin nhắc lại: Mặt-Trăng là hòn Trái-Đất thứ ba, còn Trái-Đất hiện nay là hòn Trái-Đất thứ tư, hai hòn thứ nhất, thứ nhì, đã chết và tan-rã lâu rồi.

xuống Địa-Cầu, mà hóa-sanh bốn loại khác nhau, gọi là tứ-tượng.

Bốn loại ấy là :

- 1.— Loài Kim-Thạch (Règne Minéral) ;
- 2.— Loài Thảo-Mộc (Règne Végétal) ;
- 3.— Loài Cầm-Thú (Règne Animal) ;
- 4.— Loài Người (Règne Humain) ;

Tất cả muôn loài vạn-vật trên địa-cầu này, buổi đầu tiên, đều do các Hành-Tinh xạ xuống địa-cầu những thần-lực Âm-dương và Ngũ-Hành mà cấu-thành hình-thể và hóa-sanh ra. Rồi những hình-thể đầu tiên đó, dùng những mầm-giống âm-dương và ngũ-hành đã có sẵn trong cơ-thể, do đó sanh-sản thêm nữa.

Cứ theo nguyên-tắc đó mà sự sanh-sản càng ngày càng gia-bội.

Ngày nay, chúng ta chỉ biết con người sanh ra là do cha-mẹ, chứ đâu có nghĩ rằng con người hay là vạn-vật đầu tiên đâu có cha-mẹ như chúng ta; nhơn-vật đầu tiên ấy đều do âm-dương và ngũ-hành cấu-thành hình-thể (Tỷ như loài dế ở ruộng, mỗi năm qua mùa có nước thì dế chết sạch, đến chừng ruộng vừa khô, và mưa vài đám đầu, đất được ẩm-áp, âm-dương đầy đủ, thì loài dế do âm-dương và ngũ-hành hóa-sanh ra, chứ đâu có cha mẹ dế, sanh ra con dế (1). Loài cá cũng vậy, chỗ nào có nước, có đất, lâu ngày: nước, đất thọ khi âm-dương sanh ra loài cá (2)).

oOo

CÁCH SANH-SẢN CON NGƯỜI

(do cha mẹ sinh ra)

Qua thời-kỳ Tạo-sanh rồi (3), con người thai-sanh (sanh-

(1) Có sách nói: gốc rạ thọ khi âm-dương sanh ra dế;

(2) Có sách nói: rễ cây, rễ cỏ, gấp nước biến thành ra cá.

(3) Do luật thiêng-nhiên (Tạo-hóa) sanh ra.

sản thêm) là do hai thứ tinh-trùng âm, dương. Lúc nam nữ giao-cấu, mỗi bên xạ ra một thứ tinh-trùng. Nam: dương-tinh-trùng, Nữ: âm-tinh-trùng. Hai thứ âm, dương tinh-trùng này đều có chứa đủ ngũ-hành.

Bên Nam thì tinh-trùng: dương-kim, dương-mộc, dương-thủy, dương-hỏa và dương-thồ.

Bên Nữ thì tinh-trùng: âm-kim, âm-mộc, âm-thủy, âm-hỏa và âm-thồ.

Hai thứ âm-dương tinh-trùng hòa nhau, nếu tương-hợp được thi thai-sanh một hình-thể mới khác (một đứa con). Nếu lúc hòa-hợp ấy mà tinh-trùng-dương nhiều hơn tinh-trùng-âm, thì đứa nhỏ là con trai. Trái lại, nếu tinh-trùng-âm nhiều hơn tinh-trùng-dương, thì đứa nhỏ là gái. Nếu hai thứ tinh-trùng âm-dương bằng nhau, thì đứa nhỏ sẽ là bán nam, bán nữ (lại cái).

Hai thứ tinh-trùng đã kết-cấu thành hình-thể đứa nhỏ rồi, thì âm-dương phân đứa nhỏ ra làm hai phần (1); phần bên trái thuộc âm, bên mặt thuộc dương. Còn ngũ-hành phân thể-xác ra làm năm chỗ gọi là ngũ-tạng: Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận.

oOo

CÁCH PHÂN RA NGŨ-TẠNG VÀ LÀM THÀNH THỂ-XÁC CON NGƯỜI

Sau lúc nam, nữ giao-cấu và khi âm-dương tương-hợp được, kết thành thai rồi thi tinh-trùng-dương làm ra Tạng; tinh-trùng âm làm ra Phủ, như dưới đây:

1.— Tinh-trùng dương-kim làm ra lá Phổi (Tạng);

Tinh-trùng âm-kim làm ra Đại-trường «ruột già» (Phủ);

Lá Phổi và Đại-trường thuộc về Tạng-Phế (thuộc kim).

(1) Như hồi lúc Thái-cực phân vũ-trụ ra làm hai là Lưỡng-Nghi vậy.

- 2.— Tinh-trùng dương mộc làm thành Gan (Tạng) ;
Tinh-trùng âm-mộc làm thành Mật (Phủ) ;
Lá Gan và Mật thuộc về Tạng Can (thuộc Mộc).
- 3.— Tinh-trùng dương-thủy làm thành Trái Cật (Tạng) ;
Tinh-trùng âm-thủy làm thành Bọng-đái (Phủ) ;
Trái Cật và Bọng-đái thuộc về Tạng Thận (thuộc Thủy).
- 4.— Tinh-trùng dương-hỏa làm thành trái Tim (Tạng) ,
Tinh-trùng âm-hỏa làm thành Tiêu-trường (Phủ) ;
Trái Tim và Tiêu-trường thuộc về Tạng Tâm (thuộc Hỏa)
- 5.— Tinh-trùng dương-thổ làm thành Lá Mia (Tạng) ;
Tinh-trùng âm-thổ làm thành Bao-tử (Phủ) ;
Bao-tử và Lá-mia thuộc về Tạng Tỳ (thuộc Thổ).
- Bộ phận nào đề đựng, đề chứa, thì gọi Phủ ;
Phủ có nghĩa là chứa.

oOo

CÒN HAI CHẤT ÂM - DƯƠNG

Âm-dương làm ra xương và thịt.

Dương làm ra xương.

Âm làm ra thịt (1).



Các bộ phận khác như mặt, mũi, tay chân v.v... đều là nhánh-nhóe của Ngũ-tạng.

Tóm lại, thê-xác con người đều do âm-dương và Ngũ-hành cấu-tạo.

Ngũ-hành tựu lại làm năm chô chánh gọi là Ngũ-tạng (Tâm, Can, Tỵ, Phế, Thận).

Âm-dương và ngũ-hành vận-chuyển trong con người ta và biều-lộ cho ta biết sự thạnh-suy bằng những bộ mạch.

Có năm bộ mạch thuộc về ngũ-hành và một bộ thuộc về âm-dương.

oOo

NHỮNG BỘ MẠCH

Năm bộ Mạch thuộc về ngũ-hành :

- 1.— Bộ Tâm ;
- 2.— Bộ Can ;
- 3.— Bộ Tỵ ;
- 4.— Bộ Phế ;
- 5.— Bộ Thận.

Bộ thứ 6 là bộ... Mạng-môn, thuộc về âm-dương.

Sáu bộ mạch biều-lộ nơi hai cùm tay (1).

A)— *Bên cùm tay trái có ba bộ : Tâm, Can, Thận.*

Bộ Tâm (Tim — Tiêu-trường) do hành hỏa ;

Bộ Can (Gan — Mật) do hành mộc ;

Bộ Thận (Cật và Bọng-đái) do hành thủy.

B)— *Bên cùm tay phải cũng có ba bộ : Phế, Tỵ, Mạng-môn.*

Bộ Phế (Phổi và Đại-trường) do hành kim ;

Bộ Tỵ (Lá-Mía và Bao-tử) do hành thổ ;

Bộ Mạng-Môn do âm-dương.

(1) Coi bản đở số 2.

ÂM - DƯƠNG

làm ra

XƯƠNG - THỊT

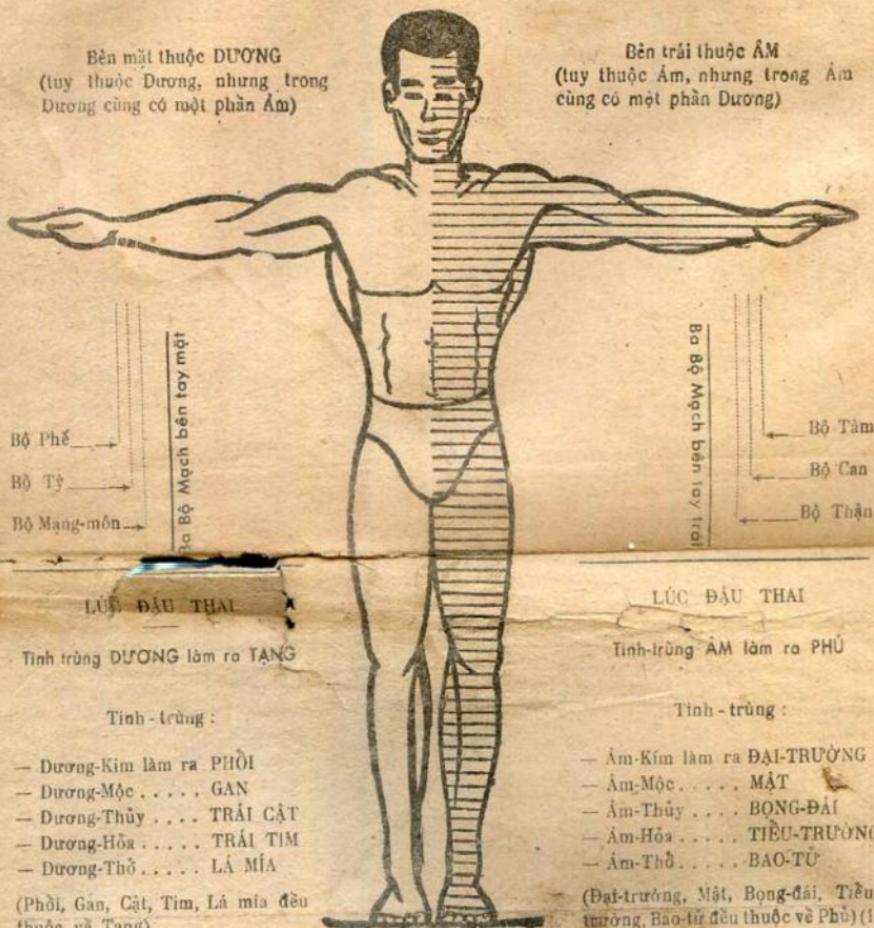
NGŨ-HÀNH: KIM, MỘC, THỦY, HÓA, THỔ

làm ra

NGŨ-TẠNG: TÂM, CAN, TỲ, PHẾ, THẬN

Bên mặt thuộc DƯƠNG
(tuy thuộc Dương, nhưng trong
Dương cũng có một phần Âm)

Bên trái thuộc ÂM
(tuy thuộc Âm, nhưng trong Âm
cũng có một phần Dương)



THÂN-THẺ CON NGƯỜI LÀ BẦU TRỜI ĐẤT NHỎ

Vũ-trụ có những chất gì, thi trong thân-thẻ con người đều có những chất ấy.
Những chất lập ra Vũ-trụ là những chất tạo ra con người.

Ban-sơ, những người đầu tiên thi do Đấng Tao-Hóa sanh ra, rồi về sau Nam Nữ
do những mầm-giống có sẵn trong người giao cấu, thai-sanh ra người cho đến ngày nay.

(1) Phù thứ sáu là Tam-Tiêu do hai chất ÂM-DƯƠNG tạo ra.

Muốn biết được sự thanh-suy của âm-dương và ngũ-hành trong cơ-thề, thì căn-cứ vào sáu bộ mạch kẽ trên đây. Nhờ đấy mà Thầy thuốc ta khi bắt mạch biết được cơ-thèle đau chỗ nào và bệnh gì.

Tỷ như : Mạch Tâm yếu, thì đau Tim hoặc Tiêu-trường ;

Mạch Tỳ yếu, thì đau Bao-tử hay là Lá-mia ;

Mạch Phế yếu, thì đau Phổi và Đại-trường ;

Mạch Can yếu, thì đau Gan, Mật ;

Mạch Thận yếu, thì đau Thận (Cật và Bọng đái) ;

Mạch Mạng-mòn yếu là âm-dương suy-kém.

oOo

CHI - NHÁNH LỚN CỦA NGŨ - TẶNG

Nhánh lớn của ngũ Tặng là ngũ Quan

(Les cinq sens)

NGŨ - QUAN

- Hai lỗ mũi là nhánh-nhóc của Tặng Phế (Phổi) ;
- Hai con mắt là nhánh-nhóc của Tặng Can (Gan, Mật) ;
- Hai lỗ tai là nhánh nhóc của Tặng Thận (Cật) ;
- Hai tay, hai chân là nhánh-nhóc của Tặng Tỳ (Bao-tử và Lá-mia) ;
- Lưỡi là nhánh-nhóc của Tặng Tâm (Tim).

oOo

NHÁNH - NHÓC NHỎ CỦA NGŨ - TẶNG

Đôi mắt thuộc về tặng CAN, nhưng trong đôi mắt còn có năm nhánh-nhóc nhỏ nữa.

Năm nhánh-nhóc nhỏ nơi con mắt :

— Tròng trắng thuộc về tặng Phế ;

— Tròng đen thuộc về tặng Thận ;

- Tròng xanh thuộc về tạng Can ;
- Tròng vàng thuộc về tạng Tỵ ;
- Mí mắt (đỗ) thuộc về tạng Tâm.

NĂM NGÓN TAY, NGÓN CHƠN

Năm ngón tay, ngón chơn cũng thuộc về năm nhánh-nhóc
nhỏ của ngũ Tạng (ngũ Hành) :

- Ngón cái thuộc về tạng Phé (hành kim) ;
- Ngón trỏ thuộc về tạng Can (hành mộc) ;
- Ngón út thuộc về tạng Thận (hành Thủy) ;
- Ngón áp-út thuộc về tạng Tâm (hành hỏa) ;
- Ngón giữa thuộc về tạng Tỵ (hành thô).

NĂM ĐÀM

Cinq monts

Cũng thuộc về nhánh nhỏ của ngũ Tạng (ngũ-hành).

Dưới năm ngón tay có năm đầm (*cinq monts*) :

- Đầm kim-tinh (*mont de Vénus*), ở ngay dưới ngón cái, thuộc hành Kim ;
- Đầm mộc-tinh (*mont de Jupiter*), ở ngay dưới ngón trỏ, thuộc hành Mộc ;
- Đầm thủy-tinh (*mont de Mercure*), ở ngay dưới ngón út, thuộc hành Thủy ;
- Đầm hỏa-tinh (*mont de Soleil*), ở ngay dưới ngón áp-út, thuộc hành Hỏa ;
- Đầm thô-tinh (*mont de Saturne*), ở ngay dưới ngón giữa, thuộc hành Thô.

oOo

NĂM THÚ PHẦN

(Cũng thuộc về ngũ-hành và ngũ-tạng)

Đứa trẻ con, một hai tuổi, các bộ mạch chưa hoạt động rõ-rệt, nên không thể xem mạch mà biết được bệnh của chúng nó. Thầy thuốc chỉ xem phần và hỏi cẩn đề trị bệnh cho trẻ con mà thôi.

Nếu thấy :

- Phần trắng thì biết được đứa trẻ đau phổi ;
- Phần xanh đau gan ;
- Phần đen. đau thận ;
- Phần đỏ đau tim ;
- Phần vàng đau bao-tử.

oOo

MÙI - VỊ CỦA NGŨ - HÀNH

KIM : mùi đắng.

Ăn uống vật đắng thì bồ phổi, vì phổi thuộc Kim.

MỘC : mùi chua.

Ăn uống vật chua thì bồ Can (gan) vì gan thuộc Mộc.

THỦY : mùi mặn.

Ăn đồ có vị mặn như muối thì bồ Thận, vì thận thuộc Thủy.

HỎA : mùi cay.

Ăn ớt, ăn tiêu (có mùi cay) thì bồ tâm (tim) vì tim thuộc Hỏa.

THỔ : mùi ngọt.

Đồ ngọt, như đường thì bồ Tỳ, vì tỳ (bao tử) thuộc thổ.
(Ngũ-vị : đắng, chua, mặn, cay, ngọt thuộc về ngũ-hành và bồ ngũ-tạng).

NHỮNG TÌNH-CẨM VÀ TƯ-TƯỞNG

LÀM TẮNG NGŨ-HÀNH, LÀM HƯ NGŨ-TẠNG

1) Sợ, 2) Rầu, Buồn, 3) Giận, 4) Vui, Mừng, 5) Lo ;
là những tư-tưởng làm tăng ngũ-hành và làm hư ngũ-tạng.

SỢ tảng Thủy : (Thận)

Sợ quá thì tăng thủy, bại thận (Thận thuộc Thủy).

RẦU, BUỒN tảng Thổ (Tỳ)

Rầu, buồn quá thì tăng Thổ, bại Tỳ, ăn uống không biết
ngon (Tỳ thuộc Thổ).

GIẬN tảng Mộc (Can)

(Giận quá thì tảng mộc, đau gan, người nào thường hay giận thì lá gan nở lớn và hay đau gan (vì gan thuộc Mộc).

VUI, MỪNG tảng Hỏa (Tâm)

Vui mừng quá thì tảng hỏa lao tâm (đau Tim) vì tim thuộc Hỏa.

LO ÂU tảng Kim (Phế)

Lo quá thì tảng kim, đau phổi (ho lao) vì phổi thuộc Kim.

CÁCH SANH-HÓA CÀM-THÚ

Cách sanh-hóa cầm-thú cũng như cách sanh-hóa con người.

Hình-thể của chúng nó được cấu-thành cũng do âm-dương và ngũ-hành, nên chúng nó cũng có đủ ngũ-tạng: Tâm, Can, Tỷ, Phế, Thận, như con người.

CÂY, CỎ và SẮT, ĐÁ

Cây, Cỏ :

Cây, cỏ cũng do theo luật cấu-tạo của Âm-Dương và ngũ-hành, mà thành hình, nhưng mỗi thứ chỉ do một Hành cấu-tạo.

— Cây Quế : do chất dương-hỏa cấu-thành (1).

— Củ địa (Sanh-Địa, Thực-Địa) do chất âm-thổ (2) cấu thành. Mỗi thứ cây cỏ do một Hành sanh ra. Trừ ra cây sâm, Nhơn sâm (3), sâm Cao-ly v.v... Cây sâm chứa đều đủ và rất

(1) Quế bồ tim, tim thuộc Hỏa.

(2) Thực-địa do chất âm-thổ cấu thành, nên uống thực-địa bồ tỳ, vì tỳ thuộc Thổ.

(3) Cây sâm có lẽ là tiến-hóa nhứt về loại thảo-mộc, nó là cái gạch nối liền (trait d'union) giữa loài thảo mộc và loài cầm-thú; cũng như giống vợt (dả-nhơn) là tiến-hóa nhứt của loài cầm-thú và là gạch nối liền giữa cầm-thú và loài người vậy.

nhiều chất ngũ-hành, nên uống sâm bồi-bò cả ngũ-tạng. Vì có đủ ngũ-hành, nên cây sâm có phần giống con người hoặc thú-vật : có đầu, mình và tay, chân. Người ta thường gọi là nhơn-sâm, có ý nói sâm giống người.

Sắt, Đồng, Thau, Chì, Kẽm :

Sắt, Đồng, Thau, Chì, Kẽm, mỗi thứ đều do một Hành mà kết thành hình. Như sắt do hành Kim cấu-thành...

Đá : Đá trắng, đá xanh, đá vàng, đá đỏ, đá đen, đều do một Hành sanh ra (màu nào thì do Hành nấy).



CHƯƠNG II

Y-LÝ ĐÔNG-PHƯƠNG

Y-lý Đông-phương đã có trên 4.000 năm rồi và đến nay cũng vẫn còn đặc dụng đối với nhơn-loại, mà nhứt là đối với người Á-Đông.

Người phương Tây (Âu-Châu) họ cho cách trị-liệu theo y-lý Đông-phương là do sự kinh-nghiệm, chứ không có tánh-cách khoa-học, và cũng không căn-cứ vào đâu cả.

Họ nói thế là tại họ chưa hiểu rõ sách-vở về y-lý Đông-phương

Sự thật y-lý Đông-phương là một khoa-học, nhưng thuộc về khoa hình-nhi-thượng-học (1) (Science métaphysique) siêu-việt hơn tất cả khoa-học duy-vật mà chúng ta được biết ở thời buổi này.

Đem khoa hình-nhi-thượng-học, mà giảng-giải ra, là một vấn-dề vô cùng khó-khăn vì không thể trưng những bằng cớ mà mắt phàm thấy được, hoặc tay phàm rờ đụng được.

Hiểu được khoa hình-nhi-thượng-học, thì chỉ có một số ít người mà thôi.

Nếu đem nó ra mà bàn-giải với người có óc khoa-học duy-vật nhưng kém phần trực-giác, thì họ không bao giờ nhận, không bao giờ tin.

Chúng tôi thử dựa theo khoa-học duy-vật mà phân-giải khoa hình-nhi-thượng-học, để các bạn nhận coi có phần nào

(1) Gồm có khoa tử-vi và những luật bi-ân trong vũ-trụ và trong con người.

đúng thì thêm vào sự hiểu-biết của mình, bằng có sai-lạc thì xin chỉ bảo lại, chúng tôi vui lòng lãnh giáo.

Muốn hiểu khoa y-lý Đông-phương căn-cứ vào đâu thì cần phải biết khoa huyền-cơ-học và khoa y-học.

Huyền-cơ-học đã giải sơ trong sự tạo-lập vũ-trụ và sanh-hóa muôn loài vật-vật, còn khoa y-học thì căn-cứ vào các sách y-học của Tàu.

Xin nhắc lại: cơ-thể con người cấu-thành là do âm-dương và ngũ-hành: âm-dương làm ra xương-thịt, ngũ-hành làm thành ngũ-tạng.

Trong con người, âm-dương và ngũ-hành phải luôn-luôn quân-bình và điều-hòa, nếu âm-dương mất quân-bình, ngũ-tạng không điều-hòa, ngũ-khí không đầy đủ, thì sanh ra bệnh.

TẠI SAO NGŨ-TẠNG KHÔNG ĐIỀU-HÒA? VÀ NGŨ-KHÍ KHÔNG ĐẦY ĐỦ?

Có hai lẽ:

1.— Một là tai mèm quá phi sức (1) làm mòn-mỏi cơ-thể, ngũ-khí vì vậy mà tiêu hao, không được đầy đủ, nên sanh đau ốm. Như thế là bệnh-hoạn đó chính tự mình gây ra vậy.

2.— Còn lẽ thứ nhì, đau ốm không phải do nơi mèm gây ra, mà là do ảnh-hưởng bên ngoài, tức là do ảnh-hưởng của thời-tiết, phong-thổ và của các hành-tinh (2).

(1) Hoan-dâm vô-độ, rượu chè, hút-sách thái quá và làm việc quá sức, v.v...

(2) Đời mùa thời-tiết, phong sương cảm-mạo, nóng-nực bần-thần, làm cho con người uể-oải, dã-dượi, nhức-dầu, sô mũi hoặc trúng phải bệnh thời-khi không chừng; đó là lệ thông-thường. Còn các hành-tinh đối với vận-mạng và sức khỏe của con người là một việc thiết-thật và chắc-chắn, và muốn hiểu cho rành thì phải học khoa tử-vi.

Với khoa tử-vi, nếu biết được giờ, ngày, tháng, năm sanh của người nào thì đoán trước được tương-lai của người ấy, nghĩa là biết được lúc nào giàu-sang vinh-hiền, lúc nào suy-sụp nghèo-hèn, sẽ bị tai-nạn hoặc bệnh-hoạn gì, thọ được bao nhiêu tuổi rồi chết, v.v... (1)

Ở đây xin giải tại sao con người đau lại do ảnh-hưởng của các hành-tinh, và nhờ đâu biết được lúc nào đau, đau bình-gì và phải dùng thuốc gì để làm cho lành-bình.

Theo nguyên-tắc, con người đau là do sự tương-khắc của ngũ-hành. Nếu hành-tinh nghịch với bồn-mạng của mình, xạ-thần-lực xuống làm tăng sanh-lực của một tạng nào trong cơ-thể thì tạng ấy yếu, cơ-thể mất quân-bình, sanh ra đau.

Ví-dụ như bệnh đau mắt (con mắt đỏ).

Bệnh đau mắt sanh ra có hai cách. Một là bị truyền-nhiễm bằng vi-trùng; cách này phải dùng thuốc sát-trùng mới hết bệnh. Còn một thứ đau mắt do ngũ-tạng yếu mà sanh ra. Thứ đau mắt này không thể dùng thuốc sát-trùng mà trị cho lành được.

ĐAU MẮT DO NGŨ-HÀNH XUNG-KHẮC

Như trên đã nói, ngũ-tạng yếu một lẽ vì bị ảnh-hưởng nghịch của một hành-tinh. Tỷ như hành-tinh xạ ra một thứ điện-lực nghịch với hành Hỏa của tạng Tâm, chất hỏa tiêu mòn, tạng tâm phải yếu làm cho ngũ-tạng mất quân-bình.

Theo luật tương-sanh, tương-khắc (2), khi hành Hỏa yếu

(1) Đoạn sau, khi nói về khoa tử-vi, sẽ giải thêm.

(2) Tương sanh: Kim sanh Thủy, Thủy sanh Mộc, Mộc sanh Hỏa, Hỏa sanh Thổ, Thổ sanh Kim.

Tương khắc: Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim.

thì tự nhiên phải bị hành Thủy của tạng Thận mạnh hơn, nó lấn hiếp (vì thủy, hỏa tương xung); Hỏa yếu Thủy mạnh, thủy lấn hiếp hỏa, tống hành Hỏa chạy tứ tung và tán-loạn. Hỏa chạy dồn ra mắt làm cho con mắt đỏ như tôm luộc; người ta thường nói đau mắt là tại hỏa vọng là vì lẽ ấy.

XEM MẠCH BIẾT ĐƯỢC NGŨ TẠNG ĐAU

(Xem mạch biết được chứng đau mắt)

Ngũ-tạng khai khiếu ra năm bộ mạch. Bộ nào yếu thì tạng ấy đau.

Tỷ như: khi Thầy thuốc xem mạch, thấy mạch Tâm nhảy nhẹ, yếu, thì biết trong mình người bệnh kém chất hỏa, nên mới sanh ra đau mắt.

CÁCH TRỊ BỊNH

về chứng đau mắt

Khi đã biết rõ tạng Tâm kém hỏa-sanh đau mắt và muốn trị lành bệnh đau mắt thì Thầy Đông-y mới tìm trong các vị thuốc coi vị nào có nhiều chất hỏa, cho uống vào, như cho uống Quế (1) thì hết bệnh, vì cây Quế thuộc về dương-hỏa, có nhiều chất hỏa. Chất Quế vào bồi-bổ cho tạng Tâm đầy đủ chất hỏa, đủ sức chống-chọi lại kẻ nghịch là chất thủy; chứng ấy thủy phải rút lui về tạng thận (thủy). Bao nhiêu chất hỏa tản-lạc đều chạy trở về tâm. Cách trị đó gọi là dẫn hỏa qui nguyên. Ngũ-tạng điều-hòa trở lại, bệnh đau mắt phải dứt vì hỏa đã trở về Tâm, không còn dồn nơi mắt; con mắt tự nhiên hết đỏ.

Giải sơ qua một chứng bệnh thông thường, các bạn đã thấy rõ y-lý Đông-phương cẩn-cứ vào đâu rồi.

Các bệnh khác cũng do luật ngũ-hành tương-khắc mà sanh ra. Về cách trị liệu, thầy thuốc chỉ có thêm vào, hoặc bớt ra, những chất nào thiếu, hoặc thừa, làm mất quân-bình cho cơ-thể và sanh ra đau ốm.

(1) Quế: thứ thật tốt như quế-thanh mơi đầy đủ chất hỏa, mới có hiệu-nghiệm.

Như tạng nào thạnh quá, thì mạch của nó nhảy mạnh, (trội hơn các tạng khác). Thầy thuốc phải cho người bệnh uống vào những vị thuốc làm tăng bớt chất căn-bản dương thạnh của tạng ấy, để lập lại sự quân-bình của cơ-thể. Còn tạng nào yếu thì bồi-bồi thêm.

Nói tóm lại: Y-lý Đông-phương căn-cứ vào sự hưng suy của Âm, Dương và ngũ-hành trong con người mà trị bệnh, hoặc bồi hoặc tả (tăng) bằng những chất âm, dương và ngũ-hành lấy ở trong cây, cỏ, sắt, đá và thú-vật v.v...

Chừng nào nắm vững ngũ-hành và âm-dương trong người được đầy đủ và điều-hòa, thì người đủ sức khỏe không đau ốm.

KHOA CHÂM CỨU

(acupuncture)

Ngũ-hành vận chuyển trong cơ-thể con người, khai khiếu ra ngoài bằng những huyệt, là những cửa để cho ngũ-hành lưu thông ra ngoài, hoặc để cho ngũ-hành ở ngoài vào. Các huyệt ấy đóng lại bằng lớp da thịt.

Con người đau là tại cơ-thể mất quân-bình. Ngũ-hành trong cơ-thể hoặc quá nhiều, (dư thừa) hoặc quá ít (thiếu kém) sanh ra đau ốm. Muốn trị lành bệnh, Thầy thuốc châm-cứu, đem vào cơ-thể những chất thiểu, hoặc bớt ra những chất thừa. Đem vào hay rút ra theo phương-pháp châm-cứu, tức là chích, hoặc đốt ngay cái huyệt đương đau, chẳng khác nào mở cửa cho ngũ-hành vô ra. Tỷ như tạng tâm thiểu chất hỏa, sanh đau mắt, thì khi châm, chất hỏa ở trong không khí tự-nhiên (1) vào đầy đủ thì tạng tâm quân-bình trở lại, bệnh đau mắt sẽ dứt. Trái lại

(1) Ở trong không khí có đủ ngũ-hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ
tỷ như khi ta quết một diêm quết, tắt nhiên ta thấy có lửa (hỏa).

nếu tăng tám đau vì chất hỏa rất nhiều (thừa), thì khi châm nơi huyệt Hỏa, chất hỏa thừa ấy, tự nhiên tiết ra ngoài, cơ-thè quan-binh trở lại.

Tóm lại châm-cứu là phương-pháp đem vào hay rút ra những chất thiếu hoặc thừa, để làm cho cơ-thè quan-binh trở lại, thì người đau sẽ được lành mạnh.

TRUYỀN NHƠN ĐIỆN

(*Passes magnétiques*)

Trị bệnh bằng phương-pháp truyền nhơn-diện cũng như phương-pháp châm-cứu hay là uống thuốc, cốt ý là làm cho ngũ-tạng điều-hòa, bằng cách đem vào những chất ngũ-hành thiếu kén ở trong cơ-thè.

Người trị bệnh bằng nhơn điện (*guérisseur magnétique*) phải luôn luôn luyện cho điện ngũ-hành của mình đầy đủ, để khi trị bệnh thì sang sót điện này (*magnétisme*) cho bệnh-nhơn bằng hai bàn tay. Lúc trị bệnh người ấy dùng ý-chí (*volonté*) chuyển cho điện ngũ-hành ra nơi mười ngón tay, và xạ điện ấy vào ngay người bệnh. Cũng như các người có xe hơi cầu bình điện vậy: đem hơi điện của bình điện mạnh cho qua bình điện yếu, thì bình yếu trở nên mạnh.

Trị bệnh bằng nhơn-diện tất là cho vào cơ-thè những chất ngũ-hành bằng cách dùng nhơn-diện-lực; khi cơ-thè tiếp-nhận ngũ-hành đầy đủ, thì ngũ-tạng được quan-binh, tự nhiên hết bệnh.



CHƯƠNG III

KHOA TỬ - VI

Khoa Tử-vi thuộc về hình-nhi thương-học, giải được nguồn gốc của các sự sanh-hóa muôn loài vạn vật và các hiện-tượng, các biến-chuyển xảy ra trong hoàn-vũ.

Tử hành động của một cá-nhơn đến sự hưng-vong của một quốc-gia, đều chịu ảnh-hưởng của các hành-tinh. Sách Tàu có câu : « Nhứt ầm, nhứt trác, giải do tiền định ».

Muôn loài vạn vật ở trên địa-cầu này đều sanh ra dưới ảnh-hưởng của các hành-tinh và chịu ảnh-hưởng đó mãi mãi cho tới ngày chết.

Xin nhắc lại cái thí-dụ đã trưng ra ở phía trước, ví Trái Đất như người đàn-bà, Mặt Trời như người đàn ông : trái - đất xạ ra một thứ âm-khí, mặt trời phóng xuống một thứ dương-khí ; hai khí âm-dương hòa-hợp hóa-sanh muôn loài vạn vật, cũng như hai giống cái và đực, hòa-hợp tinh-trùng để kết thai sanh con vậy.

Ngoài Mặt Trời ra, Trái Đất còn thọ khí âm-dương của tinh-tú khác, mà nhứt là của các hành-tinh ở chung quanh đường huỳnh-đạo (Zodiaque).

Hồi thuở sơ-khai, các hành-tinh đều do âm-dương và ngũ-hành tạo thành, các hành-tinh ấy luôn-luôn xạ ảnh-hưởng vào địa-cầu mà giúp vào sự hóa-sanh muôn loài vạn vật. Rồi vạn vật sẵn có mầm giống Âm-dương, Ngũ-hành trong cơ-thể, giao-cấu nhau mà sanh-sản thêm nữa.

Khoa Tử-vi Đông-Phương căn-cứ vào Âm-lịch, lấy sự vận-chuyển của Mặt Trăng làm gốc.

Còn khoa Tử-vi Thái-tây căn-cứ vào sự vận-chuyển của Mặt Trời.

GIẢI THÍCH KHOA TỬ-VI Á-ĐÔNG

Lúc tối, dòm lên bầu trời xanh thẳm, chúng ta thấy lấp-lánh vô số đốm sáng, lớn nhỏ khác nhau. Mỗi đốm đó là hành tinh. Hành-tinh nào cũng đều có ảnh-hưởng riêng của nó đối với Địa-cầu.

Theo khoa-học Tử-vi Tàu, thì Trái Đất mà ta đương ở đây phải chịu ảnh-hưởng riêng của 108 hành-tinh ở gần và đóng trong 12 cung của Hoàng-đạo (Zodiaque). Còn muôn triệu hành-tinh khác ở xa quá, nên ảnh-hưởng không đi tới địa-cầu.

Sách Tàu đặt cho mỗi hành-tinh một cái tên (1) tùy theo ảnh-hưởng của nó. Tỷ như một ngôi sao xa xuống địa-cầu ảnh-hưởng về tiền bạc, lợi-lộc, thì đặt tên là Hóa-lộc, Lộc-tồn; ngôi sao khác có ảnh-hưởng về nghề làm thuốc, hoặc làm Thầy thuốc thì đặt tên là Thiên-y, v.v...

Dưới đây là 108 vi sao, mỗi cái có ảnh-hưởng gì, thuộc về hành nào (kim hay mộc) và loại Âm hay là Dương (âm-kim-tinh hay là dương-mộc-tinh, v.v...).

Tên 108 VI SAO và ẢNH-HƯỞNG

Vận-mạng của loài người đều do ảnh-hưởng của 108 vi Sao kê dưới đây:

1. – TỬ-VI (dương-thồ-tinh) (2) là đế-tinh, có ảnh-hưởng tốt về tánh-nết đúng đắn, nghiêm-trang và phước-hậu; (3)

(1) Sự đặt tên cho hành-tinh là do Đức Trần-Đoàn Đại-Tiên: Ngài mở huệ nhãn xem thấu các hành-tinh và biết được ảnh-hưởng của mỗi hành-tinh, nên Ngài đặt tên mỗi vi Sao, tùy theo ảnh-hưởng của nó.

(2) Hồi thuở Thái-cực phân Lưỡng-nghĩ, tức là lúc sanh-hóa các hành-tinh, thì lúc ấy chất dương-thồ kết-hop lại thành Sao Tử-vi. Nên Sao Tử-vi thuộc về Dương-thồ tinh; các Sao khác hành nào có tên riêng và thuộc về hành này.

(3) Đây là nói vắn-tắt ảnh-hưởng đại-cương về Sao Tử-vi, và những Sao khác kế tiếp sau đây. Còn nhiều ảnh-hưởng khác nữa, hoặc tốt, hoặc xấu đều do vi sao ấy đóng nơi cung đặc-địa, hoặc hâm-địa.

2.— THIỀN-CƠ (âm-mộc-tinh) có ảnh-hưởng về tài-giỏi, khéo-léo, biết cơ Trời ;

3.— THÁI - DƯƠNG (dương-hỏa-tinh) là Mặt-Trời, ảnh-hưởng quan-lộc, thông-minh, sáng-suốt, từ-ái, lượng khoan-hồng ;

4.— VŨ-KHÚC (âm-kim-tinh) ảnh-hưởng : tiền/bạc ;

5.— THIỀN - ĐỒNG (dương-thủy-tinh) ảnh-hưởng : tu-hành hoặc phước-đức ;

6.— LIÊM-TRINH (âm-hỏa-tinh) ảnh-hưởng : thanh-liêm hay là trinh-tiết ;

7.— THIỀN-PHỦ (âm-thồ-tinh) ảnh-hưởng : tiền bạc (cái kho chứa tiền), sắm nhiều ruộng đất, tánh ôn-hòa, đoan-trang ;

8.— THÁI - ÂM (âm-thồ-tinh) ảnh-hưởng : thông-minh, tuấn-tú, bẩm tánh đoan-trang ;

9.— THAM-LANG (âm-thủy-tinh) ảnh-hưởng : tham-lam ăn hối-lộ và ham dâm-dục ;

10.— CỤ-MÓN (âm-thồ-tinh) ảnh-hưởng : thị-phi, tánh-tinh giả-dối ;

11.— THIỀN-TƯỚNG (dương-thủy-tinh) ảnh-hưởng : quan-lộc, tánh-tinh thành thật, hay binh vực kẻ yếu ;

12.— THIỀN-LƯƠNG (âm-thồ-tinh) ảnh-hưởng : sống lâu ôn-hòa, khiêm-tốn ;

13.— THẤT-SÁT (dương-hỏa-tinh) gấp Sao này thường hay chết (tận số) có tánh ham giết người ;

14.— PHÁ-QUÂN (dương-thủy-tinh) ảnh-hưởng làm cho tán gia bại-sản, tánh hung-bạo, gian-trá :

Trên đây là 14 SAO CHÁNH-TINH (Sao lớn) có ảnh-hưởng mạnh, và nặng-nề hơn các sao nhỏ.

Dưới còn 94 sao trung-bình và sao nhỏ, hoặc ở xa, cho ảnh-hưởng nhẹ hơn : như 15.— Sao VĂN-XƯƠNG ảnh-hưởng về văn-chương, đẹp-đẽ, sáng-láng ; 16.— Sao VĂN-KHÚC cũng ảnh-hưởng về văn-chương, hay chữ và thi đậu cao ; 17.— Sao TẨ-PHỤ, 18.— Sao HỮU-BẬT, hai sao này cho ảnh-hưởng được người phu trợ, giúp đỡ : 19.— Sao THIỀN-KHÔI, 20.— Sao THIỀN-VIỆT, hai sao này ảnh-hưởng về văn-chương và thi đậu, công-danh hiền-hách ; 21.— Sao THIỀN-MÃ là con ngựa của Trời, cho ảnh-hưởng làm việc lớn-lao ; nếu Sao Thiên-Mã chiếu cung Điền và đắc-địa, thi ruộng đất cò bay thẳng cánh ; 22.— Sao LỘC-TỒN cho ảnh-hưởng về chúc-tước và lợi-lộc ; 23.— Sao BÁC-SĨ cho ảnh-hưởng thông-minh, có quyền-binh, thường thi đậu đến bậc bác-sĩ ; 24.— Sao LỰC-SĨ ảnh-hưởng về quyền-thể, mạnh-mẽ ; 25.— Sao THANH LONG cho ảnh-hưởng về vui-mừng, có tài-lộc và đổi hạng xấu ra tốt ; 26.— Sao TIỀU-HAO ảnh-hưởng hao-tốn tiền-tài (nhưng hao ít mà thôi) ; 27.— Sao TƯỚNG-QUÂN ảnh-hưởng võ-tướng và oai-quyền ; 28.— Sao TẤU-THƠ cho ảnh-hưởng hay chữ và làm việc về văn-phòng ; 29.— Sao PHI-LIÊM ảnh-hưởng về hình, sát, cõi đơn ; 30.— Sao HỈ-THẦN ảnh-hưởng về chuyện vui mừng điều lành ; 31.— Sao BÌNH-PHỦ ảnh-hưởng về bình-tật và tai-họa ; 32.— Sao ĐẠI-HAO (hao to) tân gia, bai-sản ; 33.— Sao PHỤC-BINH có ảnh-hưởng bị mắt mưu, bị kẻ khác làm hại ; 34.— Sao QUAN-PHỦ có ảnh-hưởng bị thưa-kiện đến quan, hoặc hình thương ; 35.— Sao THÁI-TUẾ có ảnh-hưởng bị kiện thưa ; 36.— Sao THIẾU-DƯƠNG cho ảnh-hưởng vui mừng ; 37.— Sao TANG-MÔN cho ảnh-hưởng chịu tang, có người chết hoặc mình chết hoặc trong thân chết ; 38.— Sao THIẾU-ÂM cho ảnh hưởng vui mừng chút đỉnh ; 39.— Sao QUAN-PHỦ cho ảnh hưởng về kiện tụng, có việc đến quan trên phán xử ; 40.— Sao TỬ-PHỦ cho ảnh-hưởng xấu, tai-họa, hoặc chết ; 41.— Sao TUẾ-PHÁ cho ảnh-hưởng tân tài, hao tổn ; 42.— Sao LONG-ĐỨC cho ảnh-hưởng

vui-mừng ; 43.— Sao BẠCH-HỒ ảnh-hưởng bịnh về máu-huyết ít con ; 44.— Sao PHÚC-ĐỨC, sao tốt cho ảnh-hưởng về phước đức ; 45.— Sao ĐIỀU-KHÁCH, sao xấu, cho ảnh-hưởng buồn-rầu, tang khó ; 46.— Sao TRỰC-PHÙ, sao xấu, buồn, bị quan-tai không tránh được ; 47.— Sao TRƯỜNG-SINH cho ảnh-hưởng về sanh-dẻ ; 48.— Sao MỘC-DỤC ảnh-hưởng về tắm gội, sạch-sẽ, giữ vệ-sanh ; 49.— Sao QUAN-ĐÓI có ảnh-hưởng làm quan ; 50.— Sao LÂM-QUAN ảnh-hưởng lớn lên được làm quan ; 51.— Sao ĐẾ-VƯƠNG ảnh-hưởng thanh-vượng (làm ăn phát-tài) ; 52.— Sao SUY cho ảnh-hưởng suy, hết thời ; 53.— Sao BÌNH ảnh-hưởng xấu, bình-hoạn ; 54.— Sao TỬ, ảnh-hưởng chết ; 55.— Sao MỘ, ảnh-hưởng về sự chôn-cất, lúc chết ; 56.— Sao TUYỆT mất hẳn đi, tuyệt-lương tuyệt-vọng ; 57.— Sao THAI, có thai nghén ; 58.— Sao DUỐNG, nuôi dưỡng ; 59.— Sao ÂN-QUANG cho ảnh-hưởng sáng-suốt, thông-minh ; 60.— Sao THIỀN-QUÍ, ảnh-hưởng hiền-vinh, quyền-quí ; 61.— Sao TAM-THAI, 62.— Sao BÁT-TỌA, hai sao này cho ảnh-hưởng tốt vinh-hiền ; 63.— Sao LONG-TRÌ, 64.— Sao PHƯỢNG-CÁC, hai sao này có ảnh-hưởng đẹp như rồng, như phượng, hoặc ở lầu son gác-tia, sang trọng ; 65.— Sao HÓA-LỘC, ảnh-hưởng lớn về lợi-lộc ; 66.— Sao HÓA-QUYỀN, ảnh-hưởng về quyền-thể ; 67.— Sao HÓA-KHOA, ảnh-hưởng thi đậu ; 68.— Sao HÓA-KÝ ảnh-hưởng xấu, trắc-trở và thường bị ám-hại ; 69.— Sao HỒNG-LOAN, may mắn, đẹp đẽ ; 70.— Sao THIỀN-HỈ, vui-vẻ, và trẻ-trung ; 71.— Sao ĐÀO-HOA sắc-dep, nhiều chồng hoặc nhiều vợ (số đào-hoa ít khi một vợ một chồng) ; 72.— Sao THIỀN-PHÚC QUÍ-NHƠN : phước-đức được nhiều người quý mến ; 73.— Sao THIỀN - ĐỨC, 74.— Sao NGUYỆT-ĐỨC hai sao tốt về phước-đức, điều lành ; 75.— Sao THIỀN-TÀI, có tài xuất-chúng ; 76.— Sao THIỀN-THỌ, sống lâu và phước-đức ; 77.— Sao THÁI-PHÚ, ảnh-hưởng về phu-thuộc ;

78.— Sao PHÓNG-CÁO, hàm-tước hoặc được ban thưởng
khuê-bài ; 79.— Sao MẠNG-CHỦ, ánh-hưởng về mạng ; 80.—
Sao THÂN-CHỦ, ánh-hưởng về xác-thân ; 81.— Sao HOA-CÁI
là cây lọng, ánh-hưởng hiền-vinh ; 82.— Sao KÌNH-DƯƠNG là
cây kich, bát-dắc kỵ-tử, chết vì tai-nạn ; 83.— Sao ĐÀ-LA
(hung-tinh) hoạn-họa, thất-lợi ; 84.— Sao THIỀN-KHÔNG, gian-
hung, nghèo-mạt, hàng gấp sao này thì tán gia bại sản ;
85.— Sao THIỀN-HÌNH, tù-tội hình án ; 86.— Sao THIỀN-Y
làm nghề thuốc, bán thuốc, hoặc làm thầy thuốc ; 87.— Sao
ĐỊA-KIẾP, 88.— Sao ĐỊA-KHÔNG, hai sao ánh-hưởng xấu, hung-
bạo, gan-lỳ, nghèo ; 89.— Sao CÔ-THẦN, 90.— Sao QUẢ-TÚ,
hai sao này ánh-hưởng cô đơn, độc-mộc, hiềm-hoi, thích hẻo
lánh, sống một mình, không ưa giao-thiệp ; 91.— Sao ĐẦU-
QUÂN, là cái đầu, nếu ở cung tài thì tiền của xài không hết ;
92.— Sao HỎA-TINH, cháy nhà, tán tài ; 93.— Sao LINH-TINH,
diện-lực, sấm-sét, sanh nhảm giờ có linh-tinh chiếu, và không có
cứu-tinh thi bị Trời đánh (sét đánh) ; 94.— Sao KIẾP-SÁT, chủ
về hư-không ; 95.— Sao GIẢI-THẦN, ánh-hưởng tốt, giải nạn,
tai qua nạn khôi ; 96.— Sao THIỀN-GIẢI, cũng giải nạn như
sao Giải-Thần ; 97.— Sao PHÁ-TOÁI, làm cho nói ngọng, hoặc
cám ; 98.— Sao QUỐC-ẤN ánh-hưởng công-danh lớn về việc
nước ; 99.— Sao ĐƯỜNG-PHỦ, ánh-hưởng về quan-quyền, có
chức-vụ ; 100.— Sao THIỀN-SÚ, chủ về lệnh, có lệnh đòi của
Trời, gặp sao Sát-Tinh thì tới số ; 101.— Sao THIỀN-THƯƠNG,
102.— Sao THIỀN-KHỐ, hai sao này cho ánh-hưởng cự-phú ;
103.— Sao ĐỊA-GIẢI, giải-nạn ; 104.— Sao THIỀN-KHÓC, chủ
về than khóc buồn rầu ; 105.— Sao THIỀN-HƯ chủ về hư-hao
(buồn) ; 106.— Sao LUU-NIÊN VĂN-TINH, về văn-học thi-cử
dễ-dàng ; 107.— Sao TRIỆT-LỘ KHÔNG-VONG, sao xấu, hao
phá, cản-trở, gặp sự hung-dữ ; 108.— Sao TUẦN-KHÔNG,
cũng cản-trở và hao-tán (sao xấu).

Ảnh-hưởng của mỗi hành-tinh kề trên đây không phải y như vậy mãi, nó tùy trường-hợp mà gia-giảm hoặc thay đổi, xấu đổi ra tốt được, nếu thuận cảnh (đắc địa). Ví như hai ngôi sao rất xấu là «Hóa-Ky» và «Đà-La» hay sanh ra tánh ganh-hiền ghét ngô, chẳng khác nào hai tên côn-đồ thường xúi người làm xâng, làm bậy; nhưng khi hai sao đó đóng vào một cung thuận (đắc địa), nơi đó có nhiều sao hiền-lành như «Sao Tử-vi» «Sao Thiên-đồng» thì chúng nó chẳng những mất hết tánh xấu, mà lại còn trở nên hữu-dụng, biết giúp đỡ và không làm hại. Chẳng khác nào một tên du-đảng ở gần một người hiền-đức thì hết hung-hăng và trở nên nhu-mì thuần-hậu, lại còn giúp kẻ khác một cách đắc-lực.

Trường-hợp và cách-thức thay đổi ảnh-hưởng của các vi sao, sách Tử-vi có nói rõ. Các bạn muốn biết thêm thì xem những sách về khoa Tử-vi.

BÀU TRỜI VÀ HOÀNG-ĐẠO

(Zodiaque)

Hoàng-đạo là đường tròn lớn nhất, do theo đó trái Đất, mặt Trời, mặt Trăng phải luôn luôn xoay theo.

Hoàng-đạo chia ra 12 cung (douze maisons).

— Kể tên 12 cung theo sách Tàu là: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

— Kể tên 12 cung theo sách Tây: Gémeau, Taureaux, Bélier, Poissons, Verseau, Capricorne, Sagittaire, Scorpion, Balance, Vierge, Lion, Cancer.

Các hành-tinh phải vận-chuyển ngang qua 12 cung ấy, bằng hai cách (deux mouvements): cách xoay tròn (mouvement de rotation) và cách đi tới (mouvement de translation). Do cách đi tới mà các hành-tinh đi hết cung này đến cung nọ.

Trái Đất, Mặt Trời, Mặt Trăng cũng vận-chuyển y như vậy.

Trái Đất xoay chung-quanh Mặt Trời giáp một vòng là một năm (365 ngày 6 giờ). Mặt Trăng đi chung-quanh Trái Đất giáp một vòng là một tháng. Mặt Trời đi giáp một vòng Huỳnh-đao là 120 năm. Lúc Mặt Trời đi, Mặt Trời lôi cuốn cả Mặt Trăng, Trái Đất cũng đi theo. Đi mỗi cung phải 10 năm.

Do sự vận chuyển tuần tự của các hành-tinh mà nhà chiêm tinh đoán biết trước được vận-mạng, tương-lai của nhơn-loại và các nước trên địa-cầu.

Nếu biết được giờ, ngày, tháng, năm sanh của một người nào thì đoán được vận-mạng và tương-lai của người ấy.



LÀM SAO MÀ BIẾT ĐƯỢC VẬN-MẠNG VÀ TƯƠNG-LAI

Mặt Trời, Trái Đất, Mặt Trăng, cứ xoay tròn và đi tới tuần-tự, có giờ, khắc.

Nhà đoán số cần biết giờ, ngày, tháng, năm sanh của đứa nhỏ, để tìm coi ngay lúc sanh ấy Trái Đất đã đi đến

cung nào trong 12 cung của đường Huỳnh-đạo. Khi tìm được rồi (1) thi lập mạng nơi cung đó (2), rồi coi có những sao gì đóng ở đó; kế đó xem coi giờ phút ấy ở ngoài cung, các ngôi sao nào chiếu ngay, hoặc chiếu cạnh Trái Đất (ở ngoài cung có cả những sao của ba cung khác chiếu vào).

Các ngôi sao của bốn cung (ba ngoại cung và một nội cung) xạ thần-lực (ánh-hưởng của chúng nó) vào thể-xác của đứa nhỏ vừa lọt lòng mẹ. Thể-xác lúc ấy như tờ giấy chậm, rút thần-lực của các hành-tinh của bốn cung xạ vào, rồi về sau suốt đời nó chịu ảnh-hưởng của những hành-tinh ấy. Vì thế mà tương-lai của đứa nhỏ sức-khỏe, bình-hoạn, hôn-nhơn, lúc thanh-vượng, lúc suy-vi, nghĩa là tất cả sự thăng-trầm trên đường đời của nó đều do ảnh-hưởng tốt, xấu của các hành-tinh này.

Đồng đứng chung nhau trên Trái Đất, nhưng mỗi người đều chịu ảnh-hưởng khác nhau, là vì không phải cùng nhau sanh ra trùng giờ, ngày, tháng và năm. Giờ nào lọt lòng mẹ, hấp thu thần-lực của những hành-tinh nào thì chịu ảnh-hưởng của những hành-tinh ấy.

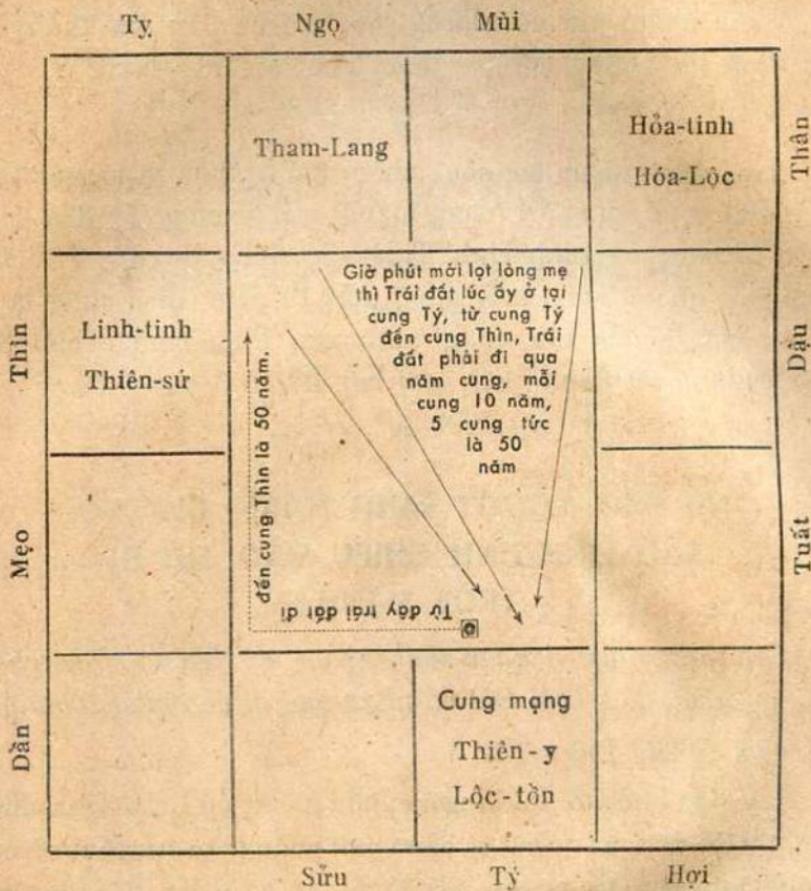
Trang bên đây có giải vài lá số để cho bạn đọc thấy rõ ảnh-hưởng của các hành-tinh.

(1) Cách tìm này rất dễ vì Đức Trần-Đoàn có chỉ rõ trong sách, biết được: giờ, ngày, tháng, năm sanh là biết được Trái Đất ở đâu đối với 12 cung của đường Huỳnh-Đạo.

(2) Mạng ở cung nào, thì lúc sanh ra, Trái Đất ở cung ấy.

Lá số (Horoscope) của người bị Trời đánh

Người này giàu có làm nghề thuốc, hoặc làm Thầy thuốc. Tánh-tinh xấu-xa, lúc 50 tuổi bị Trời đánh (sét đánh).



Hình số 3

Lá số này có sao Thiên-y tại cung mạng thì người ấy lớn lên làm Thầy thuốc hay là sanh sống về nghề thuốc.

Có sao Lộc-tồn tại cung mạng, và sao Hỏa-lộc chiếu vào thì làm giàu dễ-dàng nhờ nghề thuốc.

Có sao Tham-Lang chiếu ngay cung mạng thi tánh người tham-lam, dâm-duc, bất nhơn, tìm thế bóc-lột người.

Có sao Hỏa-tinh, Linh-tinh, Thiên-sứ chiếu vào thì thầy thuốc vô nhơn đạo sẽ bị trời đánh (sét đánh) vì sao Hỏa-tinh là lửa, Linh-tinh là sấm-sét, Thiên-Sứ là linh của Trời.

Sanh nhầm giờ có những sao kề trên đây mà không có cùu-tinh thì không thể nào thoát khỏi bị Trời đánh.

*

Trời đánh nhầm lúc nào: nhầm lúc 50 tuổi, vì lúc sanh ra, Trái Đất ở tại cung Tý (cung mạng) mà từ cung Tý đến cung Thìn là cung có Linh-Tinh, Thiên-Sứ đồng vào đó. Trái Đất phải trải qua 5 cung, mỗi cung mất 10 năm, đi 5 cung là 50 năm; chừng đến tận cung Thìn gặp Linh-Tinh, Thiên-Sứ, người đó bị sét đánh chết, (coi bản đồ số 3 trang 37).

*

TẠI SAO NGƯỜI SANH NHẦM GIỜ CÓ SAO LINH-TINH CHIẾU VÀO THÌ BỊ TRỜI ĐÁNH?

Còn những người khác sanh nhầm giờ không có nó chiếu vào, lại khỏi, dầu Trái Đất và nhơn-loại đi đến cung Thìn gặp nó cũng không sao.

Lúc đứa nhỏ vừa lọt lòng mẹ, nếu giờ ấy có Linh-Tinh chiếu vào, thì thê xác của nó rút và chứa một phần thần-lực sấm-sét của Linh-Tinh, nên trong con người của nó có mầm diền sấm-sét, nhưng mầm đó còn yếu. Đến chừng Trái Đất xoay đến cung Thìn tức là đến gần sao Linh-Tinh, thì sao này xạ mạnh diền sấm sét thêm vào; do luật đồng-thinh tương-ứng, cơ-thê đứa nhỏ đã sẵn chứa mầm diền sấm-sét hồi lúc mới sanh, nay gặp diền sấm sét của Linh-Tinh xạ thêm thì thê-xác đứa nhỏ tự nhiên rút vào, càng lúc càng nhiều. Khi chứa đầy đủ, diền sấm-sét ấy có sức mạnh riêng, sẽ hút sét Trời đánh, dầu cách xa nó cũng hút

vào, nên nó bị sét đánh chết. Lúc ấy, thê xác của nó không khác cây thâu-lôi (paratonnerre), hễ sét đánh thì thâu-lôi tự nhiên rút.

Thế là người ấy chết về nan trời đánh và chết lúc 50 tuổi bởi vì kề từ ngày sinh, trái đất phải đi 50 năm mới đến cung có Sao Linh-Tinh đóng (coi bản đồ số 3).

Với thí-dụ trên đây, chúng ta thấy rằng khoa tử-vi có mạch-lạc, luật-lệ và thống-hệ. Nó là một khoa-học chắc-chắn và rành-rẽ vậy.

MỘT LÁ SỐ KHÁC

Làm quan võ, tu hành, lương bổng cao,
nhưng nghèo

	Hoa-lộc Thiên-không		Tiêu-hao Địa-không
Lộc-tồn Đại-hao			
		Cung mạng Tướng-Quân Quốc-ǎn Thiên-đồng	

Hình số 4

Đoán đại-cương lá số bên đây :

Người này làm quan võ mà là người tu hành, tiền vô rất nhiều, nhưng không cầm cùa được, nên rốt cuộc vẫn nghèo.

Ảnh-hưởng của những ngôi sao trong lá số.

a)— LÀM QUAN VÕ : vì ở cung mạng có sao **Tướng-quân** và sao **Quốc-ấn**.

b)— TU-HÀNH : là tại cung mạng có sao **Thiên-dồng** (ông Bụt của Trời) tức nhiên có ảnh-hưởng tu-hành.

c)— TIỀN VÔ NHIỀU : nhờ sao **Hóa-Lộc**, **Lộc-Tồn** chiếu vào.

NHƯNG KHÔNG CẦM ĐƯỢC CỦA VÀ NGHÈO, vì bởi có sao **Thiên-Không**, sao **Địa-Không**, là 2 sao làm cho tán tài, nên dầu có của cũng như không có, gấp việc bắt buộc phải ra hết tiền; lại thêm có sao **Đại-Hao**, **Tiểu-Hao** là 2 sao có ảnh-hưởng bắt phải xài to, xài nhỏ, xài hết tiền mới thôi.

Đời của người này có phần giống như đời của Đô-Đốc D'Argenlieu, vừa làm quan võ, vừa làm Đức-Cha, ăn bồng lộc nhiều, nhưng không giàu.

MỖI LÁ SỐ PHÂN RA 12 CUNG (1)

1.— **Cung Mạng** : là bồn-mạng của mình. Coi cung mạng biết liền, về đại-cương, người ấy ở vào hạng nào trong xã-hội? sang hay hèn? tánh-tình hiền hay dữ? tướng-tả thế nào? làm nghề gì ya thọ được bao nhiêu tuổi?...

2.— **Cung Phụ-mẫu** : chỉ cho biết cha mẹ thọ hay yêu? giàu hay nghèo? làm nghề gì? người có đức hay thất đức?

3.— **Cung phước-đức**: chỉ họa-phước cuộc đời thăng trầm của con người.

4.— **Cung điền-trạch**: cho biết trước có nhiều hay ít nhà cửa, ruộng vườn, hoặc trọn đời không có một xéo đất cắm dùi, không tạo được một cái nhà để ở, v.v...

5.— **Cung quan-lộc**: chỉ về sự làm quan (hay làm dân), quan thanh-liêm, hay là sâu dân một nước, làm quan suốt đời hay nửa đường bị cách chức hoặc bắt buộc phải xin thôi v.v...

6.— **Cung nô-bộc**: cho biết coi tòi tớ, bạn bè tốt hay xấu, trung-thành hay là phản-bội; những người giúp việc có tài giỏi học hành cao hay là dần-độn, dốt-nát, v.v...

7.— **Cung thiên-di**: cho biết khi đi ra ngoài có nhiều may mắn hay là tai-họa, làm ăn phương xa có lợi to hay là thất bại, v.v...

8.— **Cung giải-ách**: cho biết tai họa nhiều hay ít, lúc tai họa có người cứu-vớt hay phải cam lòng chịu khổ, v.v...

9.— **Cung tài-bạch**: cho biết chắc chắn giàu hay nghèo, đến bực nào; cầm của được hay là tan gia bại sản, v.v...

10.— **Cung tử-túc**: cho biết con nhiều hay ít, con thông minh hay là ngu-dần, nghèo hay giàu, làm quan hay làm nghề nghiệp gì, v.v...

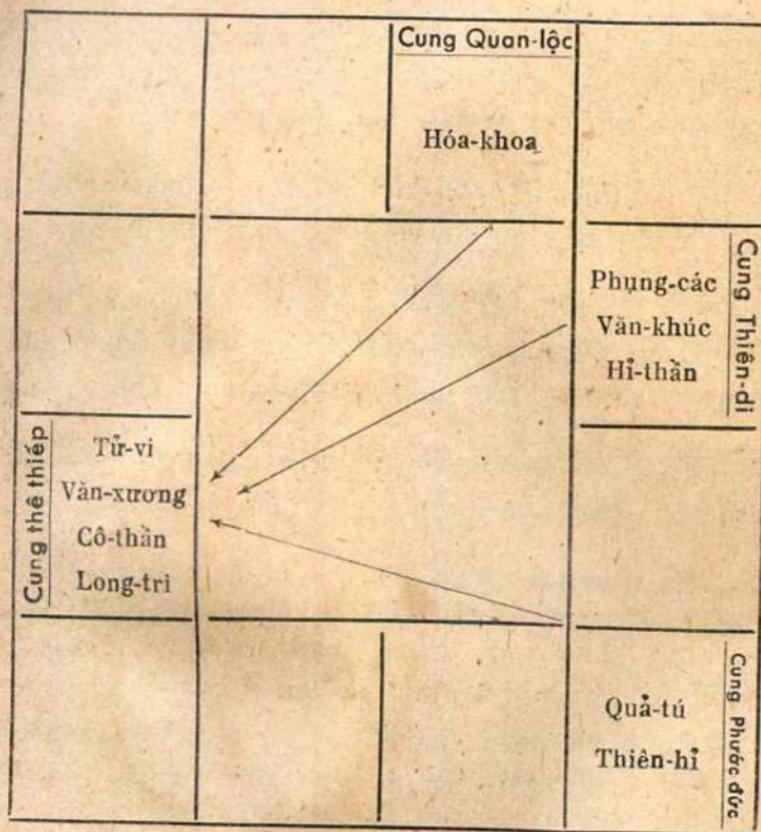
11.— **Cung thê-thiép**: biết được vợ đẹp hay xấu, thông minh hay là ngu-dốt, trung-trinh hay ngoại-tình, lăng-mạn, v.v...

12.— **Cung huynh-đê**: cho biết có bao nhiêu anh em, anh em thuận hòa, thương yêu nhau hay là trâu trắng trâu đen, làm quan hay làm dân, giàu hay nghèo, v.v...

Tánh-cách đại-cương của 12 cung là như thế. Muốn được biết tì-mi thì phải tính từ giờ, từ ngày, tháng, năm, coi mạng (1) đi đến đâu, dưới ảnh-hưởng của hành-tinh nào, xấu hay tốt.

LÁ SỐ THỨ 3

bàn riêng về cung Thê-Thiép (cung vợ) Vợ đẹp, giỏi về văn-chương, dung-dẫn vui-vẻ, thi đậu, tánh cô-độc



Hình số 5

Các sao của cung Thủ-thiếp còn chịu ảnh-hưởng của

(1) Trái đất di đến cung nào thì vận-mang do cung ấy.

những sao ở cung Quan-lộc, Thiên-di, Phước-đức chiếu vào.

Xem lá số này chúng ta thấy rõ cung thê thiếp rất tốt.

Người Vợ Đẹp: là nhờ ảnh-hưởng của hai vì sao Long-trì, Phụng-các: đẹp-de phượng-phi như rồng như phượng.

Giỏi về Văn-Chương: là nhờ ảnh-hưởng của hai sao Văn-xương và Văn-khúc.

Nết Na Mực Thước: do ảnh-hưởng của Tứ-vi là sao rất tốt, và đúng đắn.

Tánh Tình Vui Vẻ: là nhờ ảnh-hưởng của hai sao Thiên-hỷ, và Hỷ-thần.

Thi Đậu, Có Văn Bằng: vì có sao Hóa-khoa.

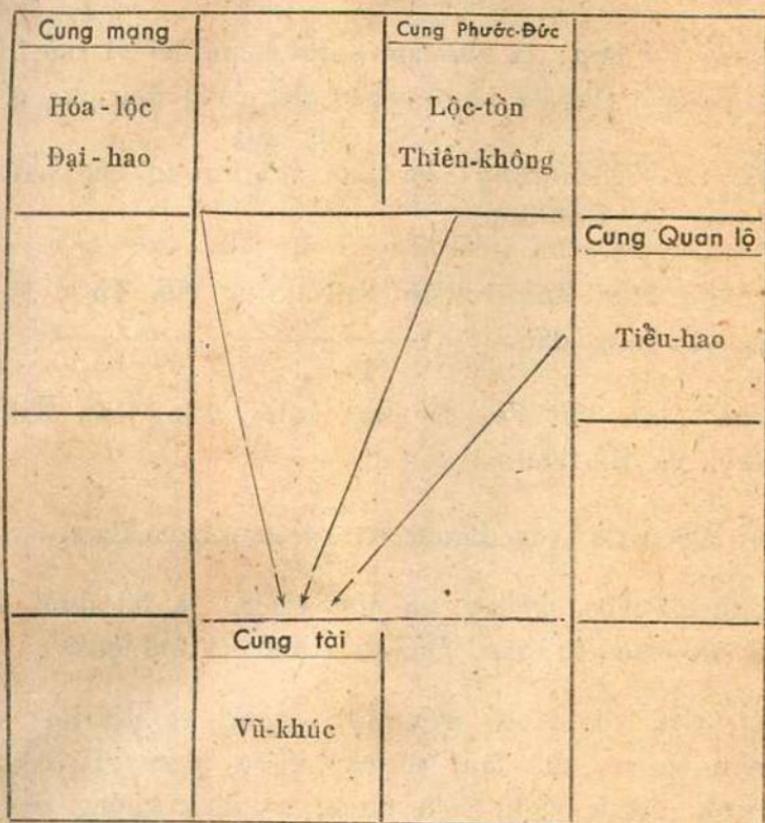
Tánh cô-dộc, không ưa giao thiệp: là tại dưới ảnh-hưởng của sao Cô-thần, Quả-tú (anh cô mồ quả).

Nói tóm, với lá số trên đây, người vợ rất tốt: đẹp, đúng đắn vui vẻ, thi đậu, có cấp bằng, nhưng lại có tánh trầm tĩnh, thích chốn tịch mịch, u nhàn không ưa chở phồn hoa đô hội.

Còn trái lại, nếu cung thê chịu ảnh-hưởng của những sao xấu như: Đào-hoa, Hồng-loan, Hóa-ky, Đà-la, thì người vợ trắc nết, ngoại tình và sâu độc.

LÁ SỐ THỨ 4

Giải riêng về cung Tài-bach.



Hình số 6

Cung tài: chịu ảnh-hưởng của ba cung, cung Mạng, cung Phước-đức và cung Quan-lộc chiếu vào.

Xem lá số trên đây, thấy rõ cung tài không được tốt. Tiền của vô thật nhiều, nhưng có chuyên phải tiêu xài ra hết.

Vô nhiều tiền: là nhờ sao Vũ-khúc (là tài-tinh) lại đóng tại cung tài nên rất hợp, tiền vô rất nhiều, lại thêm có sao Hỏa-Lộc, Lộc-lồn chiếu vào thì tiền của vô càng dồi dào.

Nhưng cầm của không được: vì bị sao Đại-hao Tiêu-hao
khiến phải có chuyện tiêu sài, hao tốn rất nhiều. Bởi qua bồ lai vô

tiền nhiều, mà ra cũng nhiều thành thử bề ngoài coi như là người giàu lớn, vì làm ăn lớn, nhưng bên trong thì không có dư tiền.

Đến lúc vận xấu, gặp sao Thiên-không chiếu vào, thì năm ấy sạch túi, tốn tiền cạn khô, sự nghiệp suy đồi.

Trái lại nếu lá số nào có nhiều sao tốt như Vũ-khúc, Hóa-lộc, Lộc-tổng mà không gặp những sao xấu như Đại-hao, Tiểu-hao, Thiên-không thì giàu to và bền.

Giải nguyên lá số của một người sanh nhầm giờ, ngày, tháng năm dưới đây :

(Tuổi Bình-Ngo, sanh giờ Sửu ngày 29 tháng năm).

Cung Mạng	Cung Phụ-Mẫu	Cung Phúc Đức Thânh	Cung Đền-Trạch
Thiên-trường Lộc-tổng, Bác-sĩ, Văn-khúc, Thiên-quan, Quí-nhơn, Thiên-y, Thiên-riều. TRIỆT	Thiên-lương Hữu-bật Nguyệt-đức Thái-tuế Lục-sĩ Kinh-dương, Thai.	Liêm-trinh, Thất-sát, Thanh-long Phong-cáo Thiên-không Thiếu-dương Đường, Hóa-ky.	Thiên-mã, Tà-phụ, Tiểu-hao, Tang-môn, Trường-sanh Thiên-hư Cô-thần
Cung Huynh-Đệ	Mùi	Thân	Dậu
Cự-môn Quan-phủ Đà-la Mộ Phượng-cá Quả-tú	Ngo	Tuất	Tu
Cung Thủ-Thiếp	Tý	Sửu	Đán
Tử-vi, Tham-lang, Phúc-đức, Đào-hoa, Thiên-hỷ, Thiên-đức, Tử, Đầu-quân Thiên-đức Phục-binh	Đán	Mão	Mão
TUẦN	Thin	Sửu	Đán
Cung Tử-Tức	Cung Tài-Bạch	Cung Giải-Ách	Cung Thiên-Di
Thái-âm, Thiên-cơ, Bạch-hồ, Hóa-tinh, Linh-tinh Bác-tọa Thiên-quý, Béuh, Hóa-quyền, Đại-hao.	Thiên-phủ Bệnh-phủ Long-đức Suy Quốc-ân	Thái-dương, Đế-vượng Tam-thai, Hỷ-thần, Ân-quang, Địa-kiếp, Thiên-phúc-quý-nhơn Tuế-phá, Thiên-sứ, Thiên-khóc, Thiên-hư	Vũ-khúc Phá-quản Phi-liêm Thiên-khôi Kiếp-sát Tử-phù, Lâm-quang.

Tuổi Bình-Ngo
Tháng năm
Ngày 29

ĐOÁN TRỌN LÁ SỐ TRÊN ĐÂY :

Tuổi Bính-Ngọ, sinh giờ Sửu, ngày 29 tháng 5

Được những cách (1) tốt dưới đây :

1.— Phù-Tướng triều-viên : Cung mạng có sao Thiên-Tướng gặp sao Thiên-Phù chiếu thì rất tốt.

2.— Khoa-Lộc, Xương-Khúc triều-viên : Hóa-lộc ở mạng, gặp sao Hóa-khoa, Văn-xương, Văn-khúc chiếu về thì rất hạp, rất tốt.

3.— Khôi-Việt chiếu mạng : Thiên-khôi, Thiên-việt chiếu vào cung mạng thì rất tốt.

4.— Thiên-Tướng ngộ Thiên-Y (cung mạng có sao Thiên-tướng và Thiên-y thì làm về nghề thuốc).

5.— Vũ-khúc, cư Thiên-di : (làm giàu về buôn bán).

6.— Thiên-phủ, cư Tài-bạch, giáp Nhựt-Nguyệt (Thái âm, Thái-dương) sách nói cách này là cách đại-phú.

Đoán 12 cung trong lá số, khởi đầu nói về cung mạng CUNG MẠNG

Thiên-tướng ngộ Thiên-y : thì phải làm về nghề thuốc.

Văn-khúc và Văn-xương : (chiếu vào) thì làm việc văn hay chữ tốt.

Thiên-việt, Thiên-khôi : (chiếu về cung mạng) thì được nổi tiếng, có danh.

Có Hóa-khoa chiếu vào : có lần thi đậu, nhưng không đận bằng cấp lớn, là vì có sao Triệt nên không học được cao.

Có Sao Bác-sĩ : là người thông-minh, dầu học ít cũng thông-minh và thấy xa hiều rộng.

Có Sao Lộc-tồn : tài mạng, thi trọn đời có lộc, không thiếu thốn, vất vả.

(1) Cách : Nghĩa là chung hợp cùng nhau những sao thuận và tốt.

Cung Phúc-đức

Có *Liêm-trinh*, *Thất-sát* và *Thiên-không*: là những sao xấu làm cho hao tài tốn của rất nhiều, nhưng nhờ có phúc-tinh là *Thanh long* và *Hóa-kỵ* đắc-địa (như rồng gấp mây) nên gấp nhiều cơ-hội mau vô tiền trở lại và hưởng phước bền-bỉ.

Cung Phụ-mẫu

Thiên-lương: cho biết cha mẹ được thọ (sống lâu).

Kinh-dương phùng Lực-sĩ: dấu cha mẹ có tài cũng không làm quan được. Sách nói: Kinh-dương Phùng Lực-sĩ, Lý-Quản bất phong hầu. Tài như Lý-quản cũng không được phong hầu.

Thiên-quan quý-nhơn (chiếu vào) cha mẹ được nhiều người kính nể.

Thiên-khóc, *Thiên-hur* (chiếu vào): ở cùng nhau tại cung Tý-Ngọ, thi cha mẹ tiền bần hậu phú.

Sách nói: Khóc Hư Tý Ngọ đồng cung, tiền bần hậu phú mới cam số này.

Cung Điển-trạch

Tả-phụ Thiên-mã: làm cho có nhiều ruộng.

Tả-phụ là người làm ruộng, còn *Thiên-mã* là con ngựa chạy giỏi, chạy mới giáp vòng ruộng, có ý nghĩa là sau rốt sẽ có nhiều ruộng vườn rộng lớn.

Cung Quan-lộc

Có *Văn-xương* và *Hóa-khoa* thì thi đậu và làm việc văn, làm việc cho chánh-phủ. Nhưng làm không bền là vì sao *Triệt*, (đóng tại cung-mạng) nên bị triệt lại, niu lại, không cho làm nữa, phải từ chức.

Cung Nô-bộc

Có *Hữu-bật* chiếu vào tức là có nhiều người giúp đỡ.

Hoa-cái : chỉ rằng người giúp đỡ có học thức cao, và người có danh.

Hoa-lộc : thì tôi tớ làm lợi cho mình.

Cung Thiên-di

Cung thiên-di mà có sao vũ-khúc (là tài tình) có ảnh-hưởng rất tốt về tiền bạc, nên ngoài nhà buôn chánh, còn có nhiều nhà buôn ngánh ở các nơi, là những đại-lý bán giúp đẽ làm giàu cho mình.

Sách có nói, nếu cung Thiên-di mà có sao Vũ-khúc đóng, thì có nhiều người buôn bán giúp cho mình làm giàu.

Cung giải-ách

Bị ảnh-hưởng của sao Thái-dương (Mặt Trời) nên thường hay nhức đầu, có Địa-kiếp thì thường hay đau bụng.

Nhờ có phúc-tinh là sao Thiên-phước qui-nhơn, làm giảm bớt ảnh-hưởng xấu, nên nhức đầu và đau bụng qua loa mà thôi.

Khi trở về già thì hay sanh bệnh đau mắt, vì có sao Thái-dương (hâm địa) lại gặp Đà-la chiếu về, nên hay sanh đau mắt.

Cung Tài-bạch

Có Thiên-phủ giáp hai sao Nhựt Nguyệt (Thái-dương, Thái-âm) nên giàu lớn vì sách có nói: Thiên-phủ cư tài, giáp Nhựt Nguyệt thi giàu to. Lại thêm có Lộc-tồn chiếu vào, nên sự nghiệp bền-vững, tiền bạc dồi-dào (vì Lộc-tồn là kho tiền vô tận).

Cung Tử-túc

Có Bạch-hồ đóng, thì ít con, vì Bạch-hồ là giống cọp trắng,

không bao giờ nhiều con, đầu đẻ nhiều, thì chỉ nuôi được một hai con mà thôi. (1)

Có sao *Hóa-quyền*, *Hóa-lộc* nên về sau các con có lộc, làm giàu, lai còn được nhiều người quý mến là nhờ có sao *Thiên-quý*, và ở địa-vị cao, là nhờ có sao *Bắc-tọa*.

Cung Thê-thiếp

Có sao tử-vi thì vợ có đức-hạnh phúc-hậu, vì sao tử-vi là sao đúng-đắn hơn hết.

Văn-xương: vợ giỏi về văn (văn hay).

Hóa-khoa: học giỏi, thi đậu, có cấp bằng.

Thiên-hỷ: tánh-tình vui vẻ, niềm nở.

Tham-lang: là sao xấu, lẽ thì người vợ có tánh tà dâm ngoại tình nhưng rất may nhờ có sao tử-vi kèm-chẽ, nên mới được đúng-đắn.

Cung Huynh-de

Cung Huynh-de có sao *Triết* và *Đà-la* thì anh em không thuận; gần nhau, gặp nhau là chống báng. Không nên tìm thế ở gần nhau để tránh những nỗi hận lòng (xa mệt chân, gần mồi miệng càng gần càng nghịch ý).

Đoán sơ lá số trên đây, để cho thấy tánh cách khoa-học của khoa Tử-vi.

Nếu nói tỉ-mỉ về ảnh-hưởng của mỗi ngôi sao, lúc nào thuận (đắc-địa) lúc nào nghịch (hắc-địa) thì dài dòng lắm.



(1) Cọp sanh nhiều mà nuôi không được là vì, trong khi cọp con đang ngậm vú bú, rủi lúc ấy cọp mẹ gấp mồi, thì nó tuông nhảy để bắt mồi, cọp con nhả vú không kịp, phần răng bén, nên cắn dứt vú mẹ. Không còn đủ núm vú, lấy đâu cho con bú, cọp con vì đầy mà chết bớt.

Bây giờ xin giải tại sao xem số Tử-vi mà biết được lúc nào đau ốm, ngày giờ chết, cũng là sự hưng-suy ở đời.

Lúc nào đau

Đau ốm : Giải theo y học Đông-phương là do ngũ-tạng không điều hòa, ngũ khí (1) không đầy đủ nên sanh ra đau.

Đau ốm : Giải theo khoa tử-vi khi trái đất đi đến một cung mà ở đó có nhiều sao nghịch với bồn-mạng của mình chiếu vào, làm tản sanh lực trong ngũ-tạng tức thì phải đau, ví như tuổi Bính-Ngọ, mạng hỏa, thì kỵ cung thủy và sao thủy. Theo luật tương khắc thì Thủy, Hỏa chẳng những không hợp mà còn xung khắc (thủy khắc hỏa). Trái đất xoay vẫn đến cung thủy và gặp nhiều sao thủy thì *Hỏa-mạng* của người đó bị thủy (nước) tưới vào rất nhiều, phải tắt lẩn, bớt sanh-lực, mất quân-bình, sanh ra đau. Nếu như người đó số chưa chết thi có cùu tinh như sao *Thiên-long*, *Thiên-giải* chiếu vào, khiến cho bệnh nguy gặp được thầy giỏi cho uống những chất thuốc đúng theo căn bệnh thì được mau manh.

Lúc nào chết và tại sao chết

Trái lại, như người bình nôi trên chảng những không gặp được cùu tinh là sao *Thiên-long*, *Thiên-giải* mà lại gặp những sát tinh như *Thất-sát*, *Đà-la*, *Điếu-khách*, *Thiên-khóc* và *Tử*, thi đã đến ngày tận số vậy (mạng dĩ tuyệt) không thầy thuốc nào cứu nỗi. Bởi nhiều sao nghịch chiếu vào mạng cùng một lúc, nên sanh lực trong con người tản hết, khô cạn, người đau kiệt quệ, buông hơi thở cuối cùng hồn lia khói xác...

(1) Là ngũ-hành : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Biết trước được ngày giờ đau, hoặc chết

Đoán trước được ngày giờ đau hoặc chết là nhờ biết được giờ sanh, biết lúc ấy Trái Đất ở cung nào (1), rồi tim coi bao nhiêu năm nữa và giờ nào Trái Đất sẽ đi đến cung nghịch có nhiều sát-tinh chiếu vào làm tản sành-lực, nên phải đau, hoặc phải chết như đã giải ở trên. Tỷ như người đã nói trong lá số (số 3 trang 37) đến 50 tuổi bị sét đánh chết, là vì Trái Đất xoay 50 năm mới gặp những sao sát-tinh, nghịch với bồn-mạng người ấy. Đúng ngày giờ gặp những sao đó, mà không gặp cựu-tinh, thì phải chết.

Làm ăn tần-phát

Trong lúc Trái Đất chuyền-vận theo đường Hoàng-Đạo, nếu bồn-mạng gặp những sao như Vũ-khúc là tài-tinh, và còn gặp Hỏa-lộc, Lộc-tồn có ảnh-hưởng về tiền bạc, lợi-lộc chiếu vào thì tự nhiên có những cơ-hội đưa đến đề làm ra tiền hoặc mua may bán đắt, hoặc trúng số, hoặc ở đâu đưa đến một công chuyện làm (affaire) có lợi nhiều, v.v... Gặp những sao ấy thế nào cũng phát tài.

Lúc nào nghèo

Trái lại, không gặp sao tốt về tiền bạc, mà lại gặp những sao như Đại-hao, Tiểu-hao, thì hao tài tốn của; nếu gặp thêm sao Thiên-không chiếu vào, thì tán gia bại sản.

Lúc nào cưới vợ, lấy chồng

Lúc nào bồn-mạng đi đến cung có những sao Hồng-loan, Thiên-hỷ, Hỷ-thần là đến lúc phải có vợ hoặc lấy chồng.

(1) Trái Đất ở cung nào thì bồn-mạng ở cung này.

Tại sao cùng một giờ một ngày, cùng chung trên Địa-cầu, mà người được phát tài, kẻ tan gia bại sản, người chết, kẻ sống

Giải đoạn này, phải căn cứ vào hai nguyên-tắc :

1.— *Nguyên-tắc thứ nhất* : Do luật tương-sanh, tương-khắc của ngũ-hành. Được tốt : được phát tài, được những điều may mắn là nhờ tương-sanh.

Các vì sao đương chiếu lúc ấy, hợp với những tuổi nào, thì tuổi ấy được ảnh-hưởng tốt mà thôi, tỷ như những sao tốt thuộc về hành Hỏa thì hợp (tương-sanh) với những người mạng Thổ mà thôi (theo luật tương-sanh : Hỏa sanh Thổ). Trái lại sao tốt thuộc về hành Hỏa, thì nghịch hẳn với mạng Kim, (Hỏa khắc Kim) nên người mạng Kim chẳng những không tiếp được ảnh-hưởng lành của sao Hỏa mà còn bị sao Hỏa sát hại (có thể chết).

2.— *Nguyên-tắc thứ nhì* : Do luật hấp-dẫn và đồng-thinh tương-ứng người sanh nhằm giờ có sao tốt như sao Hóa-lộc, Lộc-tồn chiếu, thì về sau mỗi khi Trái Đất xoay đến cung có những sao tốt ấy, thì chỉ người đó mới được hưởng.

Các người khác không phải sanh nhằm giờ có nó, thì không hưởng được gì của nó.

Các sao xấu cũng vậy, nó xạ ảnh-hưởng xấu xuống trái đất, nhưng chỉ những ai trước kia lúc sanh ra có nó chiếu vào, thì người ấy bấy giờ phải rút ảnh-hưởng xấu của nó mà thôi.

Ví-dụ : Một mục-dồng (người coi trâu) số bị trời đánh (sét đánh). Đúng ngày giờ thì chỉ một mình nó bị sét đánh mà thôi, dầu lúc đó nó ngồi trên lưng trâu, con trâu cũng không hề hấn gì cả.

Vì lẽ tên mục-dồng sanh nhằm giờ có Linh-tinh chiếu, thì trong người của nó có mầm giống của Linh-tinh tức là tánh-chất

thâu lôi (rút sám sét). Đến lúc có sét đánh, chỉ một mình nó rút sét mà thôi. Còn con trâu, không sanh nhầm giờ có Linh-tinh, thì không sao cả.

Vận-mạng các nước trên Địa-cầu

Lúc nào có giặc, giặc nỗi tại đâu, và chừng nào hết giặc. Muốn biết được những việc vĩ-đại như thế này, thì phải học khoa tử-vi cho tinh-tường.

Những bức uyên-thâm về khoa Chiêm-tinh như Trạng-Trinh Nguyễn-Bỉnh-Khiêm nước ta, như Khổng-Minh Gia-Cát-Lượng nước Tàu, biết được quá-khứ, đoán trước được vi-lai, tri bá niên tiền, bá niên hậu.

Nguyên-tắc sau đây có thể giúp cho hiểu sơ qua các việc vĩ-đại nêu ra đó.

Như đã có giải rồi, con người là bầu Trời đất nhỏ, (nhơn-sanh như tiều-thiên-dịa). Biết được con người lúc nào đau, lúc nào mạnh, lúc nào chết, thì cũng biết được Trái Đất lúc nào đau, lúc nào mạnh, lúc nào chết, v.v...

Con người đau, Trái Đất cũng đau như con người

Con người có ngũ-tạng, ngũ-tạng không điều-hòa thì sanh ra đau. Trái Đất cũng có ngũ-tạng, (tức là ngũ-châu, ngũ-châu không điều-hòa thì Trái Đất cũng đau, châu nào đau, thì châu ấy bị thiên-tai bình-hoạn mất mùa, hoặc nỗi giặc.

Tại sao Âu-châu nỗi giặc?

Nỗi giặc hồi năm 1939 và qua 1945 thì hết giặc.

Âu-châu nỗi giặc 1939 là vì năm ấy Trái Đất xoay đến cung có Hỏa-tinh (Mars). Mà các sách số người Âu-châu đều nói rằng: Hỏa-tinh là ngôi sao sanh giặc (Mars a une influence guerrière).

Tại sao năm 1939 giặc nỗi ở Âu-châu mà không nỗi nơi khác?

Như đã có giải ở một đoạn trước, Âu-châu thuộc Kim (1) theo luật tương-khắc thì Hỏa khắc Kim.

Hỏa-tinh (Mars) khắc Kim, tức là khắc Âu-châu, vì Âu-châu thuộc Kim.

Trái Đất năm 1939 đi đến cung gặp sao Hỏa-tinh (Mars) chiếu ngay vào làm tản sanh-lực tạng Kim của Trái Đất, nên tạng Kim tức là Âu-châu phải đau, Âu-châu phải nỗi giặc hồi năm ấy, là vì nguyên-do đó.

Và lúc nào hết giặc

Chừng Trái Đất đi qua khỏi cung có sao Hỏa-tinh, Trái Đất không còn bị chiếu ngay nữa thì Âu-châu hết giặc.

Nguyên do sanh giặc và hết giặc là như thế. Muốn biết rõ tĩ-mỉ, thì phải học thâm sâu về khoa tử-vi. Chừng ta ai muốn theo bước Trạng-Trinh và Khổng-Minh thi chí-tâm học-hỏi như hai Ngài, rồi sẽ rõ chỗ huyền-bí của máy tạo.

Tác - giả

NGUYỄN-VĂN-LƯỢNG

"THÔNG-THIÊN-HỌC"

24. Trần-Khắc-Chân

Đ.T.: 20.544 — 41.605

CHUNG

Quyển sách này chỉ giải về nguyên-lý và nguyên-tắc khoa y-học Đông-phương và khoa Tử-vi. Bạn đọc muốn học cho tinh-tường hai khoa này thi tìm học sách Tàu. Đã có một ít sách dịch ra quốc-văn và có bán khắp nơi.

Riêng khoa Tử-vi, tôi sẽ cho ra thêm nhiều quyển, để chỉ cách lấy số, và đoán số.

Những sách, tôi sẽ xuất bản, đều do nguồn gốc sách Tàu dịch ra, do theo đó các bạn sẽ lấy số, và đoán số một cách dễ-dàng.

(1) Âu-châu thuộc kim, sắc trắng, dân Âu-châu màu da trắng.

Vài lời bình - luận

(về định-mạng)

Tất cả nhơn-vật trên Địa-cầu, từ khi lọt lòng mẹ, là đã mang theo mình cho đến chết một số mạng đã định

Lúc giàu sang, khi nghèo khó, lúc hoạn-nạn, khi ốm đau v.v... nói tóm là: các cuộc thăng trầm, họa phước của một đời người đều có sắp sẵn trước cả.

Muốn biết trước vận-mạng và tương-lai của mình, thi cho biết thật đúng giờ sanh, ngày, tháng năm sanh, nhà đoán số do theo ngày giờ đó, sẽ phǎng ra từ manh-mối cho mình một lá số bǎng khoa Tử-vi đầu-số.

Mặt Trời, Mặt Trăng, Địa-cầu đều xoay tròn (rotation) và đi tới (translation) có tuần-tự, có giờ khắc, thì vận mạng, sang hèn, bần-phú, tai nạn trong đời sống của nhơn-loại và vạn-vật cũng tùy theo giờ khắc xoay chuyền đó mà thay đổi, khi xấu, lúc vui, lúc buồn v.v...

Các hành-tinh ở chung quanh Địa-cầu, không khác những vị Thần cầm cân công-bình để thưởng-phạt cho tất cả nhơn-loại và vạn-vật.

Khi trái đất đi đến một cung tốt, và mạng mình sanh nhǎm giờ có sao tốt ấy chiếu, thi mình được ảnh-hưởng phước-lành trái lại nếu gặp sao xấu, là gặp chuyện không may.

Kiếp trước làm lành nhiều hơn làm ác, thi kiếp này luật Trời cho linh hồn mình xuống thế sanh vào giờ có nhiều sao lành hơn sao dữ, hưởng được nhiều phước lành hơn tai-họa.

Sao lành có bồn-phận tự nhiên là cho ảnh-hưởng về lợi-lộc và những điều may mắn.

Còn các sao dữ (hung-tinh cũng có bồn-phận của nó là xạ ảnh hưởng xấu, sát phạt gieo tai-họa và làm cho tân-gia bại-sản).

Như tôi đã giải rõ, các hành-tinh không phải là vô-trí vô-giác, thần-lực của nó xạ xuống địa-cầu mà hóa sanh muôn loài vạn-vật.

Những tế-bào làm ra hình thể con người, là những phần tử của các hành-tinh vậy.

Ai còn mang xác phàm, là còn phải chịu dưới ảnh-hưởng của hành-tinh.

Nó: về định-mạng

Số làm giàu: Số đã định người kia sẽ giàu, thì thế nào cũng giàu, dẫu có đem người ấy mà bỏ trong rừng, người ấy cũng có cơ-hội trồng cây, bán cỏ, mà làm ra nhiều tiền của. Đem bỏ người ấy trên non người cũng tìm được đất đỗ, mỏ vàng mà hốt bạc. Đem bỏ nơi một hoang-đảo, cũng làm giàu, như chuyện An-tiêm trong quyển « Quả dưa đỗ ».

Làm giàu do định-mạng thì không khó, và cũng không phải cần có tài giỏi, hoặc mưu-mô... Nếu số phải làm giàu thi dầu ở không, hoặc ngồi một chỗ, cũng có người đem của cho mà hưởng, làm chơi mà ăn thiệt, tiền bạc đến một cách bất ngờ. Như chúng ta đã từng thấy nhiều nhà đại-phú dốt, trí óc rất tầm-thường, không làm nỗi một bài toán cọng mà cũng làm giàu được dễ-dàng, lại còn làm chủ nhiều người thông-minh, sáng-suốt hơn họ.

Số nghèo: Có nhiều bực có tài trội hơn người, lại rất giỏi-dẫn, siêng-năng, có ý muốn làm giàu, nhưng vẫn nghèo túng mãi; có lẽ kiếp trước là người ác đức, bất nhơn (1), kiếp này phải bị sanh nhầm giờ xấu, dưới ảnh-hưởng của nhiều sao xấu. Những người ấy rất thông-minh và nhiều mưu mô

(1) Trừ ra trường-hợp của người tu-hành chơn-chánh, kiếp này vẫn có tài, có đức mà nghèo, là tại bị nhồi quả, phải chịu nhiều đau khổ, để trả cho rồi quả xấu đã gây ở kiếp trước. Trả cho xong quả rồi thì tu-hành mới mau thành đạo.

nhưng cũng không làm nên được việc gì, suốt đời vẫn đau khổ; cho đến chết cũng không tạo được một cái nhà lá nhỏ để ở, hoặc mua một xéo đất để chôn thây.

Hai định-mạng bần, phú, kề trên đây, đều do hành động lành dữ ở kiếp trước, mà kiếp này, được hưởng phước, hoặc bị tai họa, chờ không phải có tài giỏi mà làm giàu được.

Luật trời thường phạt rất công-binh (1), không ai tránh, khi đã làm ác, và cũng không đòi hỏi được phước lành, phước lành phước ấy vẫn đến tự nhiên, khi đã làm lành.

Lười trời tuy thừa, mà không lợt. Đấng Tạo-Hóa đã bùa giáng lười Trời cùng khắp mọi nơi, một lời nói quấy một việc làm lành dầu ở trong bóng tối, ở chốn không người, cũng đều có kết quả lành dữ của nó sau này. (2)

Vài lời nhắn nhủ những ai có số tốt và những bạn vô phước ôm theo trọn đời một số kiếp bần cùng, đau khổ !

Được số tốt : Làm giàu, làm quan dễ dàng, được ăn trên ngòi trước sung sướng hơn người, thì nên mừng mà thấy luật Trời công-binh, chờ không nên lấy đó mà tự-đắc, tự cao, kiêu căng, hống-hách cho mình giỏi mới làm giàu, làm quan mà coi rẻ kẻ khác nghèo túng hơn mình, hoặc thấp kém hơn mình. Số càng tốt càng tu nhơn tích-đức nhiều hơn nữa.

Ý giàu, ý quyền-thể mà khinh khi kẻ khác, là mầm tánh thấp thỏi của tiêu-nhơn. Cử-chỉ ấy không làm cho mình được

(1) Nếu không có luật công-binh, thì những linh-hồn hung-ác, khi đầu thai, họ sẽ giành được số tốt về họ, linh-hồn hiền-lành làm sao tranh lại hồn hung-ác.

(2) Muốn thấu rõ luật Trời hơn nữa xin đọc quyển « Con đường giải thoát » do tôi là soạn-giả, và có bán nơi nhà tôi 24 Trần-khắc-Chân Saigon.

người đời kinh mến, mà còn làm cho thiên-hạ oán-ghét, chờ không ích lợi chi cho mình cả.

Còn những ai vô phước: Mang theo suốt đời một lá số bần cùng, lại thêm tai họa, thì cũng không nên trách Trời đất bất công mà thêm tội, người ấy nên trách lấy mình kiếp trước không khéo tu, không ăn ở cho thuận lòng, thì lẽ tất nhiên bị luật Trời đày đọa chịu đau khổ, nghèo khó, và hoạn nạn, để trả mối nợ tiền thân, đền tội ác đã trót lở gây ra ở những kiếp trước.

Luật Trời rất công bình tùng ly tùng ti.

Khuyên ai hãy ráng ăn ở hiền lành, và tu nhơn tích đức.

Lá số và kiếp vinh quang bao giờ cũng dành riêng cho người đức-hạnh.

NGUYỄN-VĂN-LƯỢNG
THÔNG - THIÊN - HỌC

Sửa đổi số mạng

Đổi số xấu ra tốt được không ?

Xin trả lời : Được.

Sách Thánh-Hiền thường nói : **Đức năng thắng số.**

Nếu gặp phải lá số xấu hãy ráng làm theo phương-pháp duy nhất như dưới đây : ăn cần ở kiệm, hiền lành và tu nhơn tích đức.

Được như vậy, dầu phải số nghèo cũng không thiếu hụt vì với người hiền luôn luôn được người giúp đỡ.

Đến ngày bị tai họa... có người cứu. Người đời và Thần Thánh cả thảy đều thương mến người đạo-đức.

NGUYỄN-VĂN-LƯỢNG

NHỮNG QUYỀN SÁCH RẤT CẦN THIẾT CHO NGƯỜI TÂM ĐẠO

Sách chữ Việt do ông NGUYỄN - VĂN - LUÔNG dịch, viết và đề bán tại nhà thuốc Nhành Mai 24 Trần-khắc-Chân Tân-Định SAIGON.

1.— ĐỨC PHẬT HIỆN :

Tường thuật: mỗi năm, nhăm ngày Phật Đản, rằm tháng tư (âm lịch) Đức Thích-ca hiện xuống thế một lần, tại dãy núi Hy-mã Lạp-sơn. Ngài hiện trước mặt một số đông khách hành hương phàm tục. Lúc Đức Phật hiện có đủ mặt chư Tiên, Đại-Tiên, Đại-Thánh, Bồ-Tát trên Địa-cầu đến nghinh tiếp bằng một cuộc lễ tiếp rước Đức Phật vô cùng nghiêm trọng. Một chuyện thật đã có trên 2500 năm, và mới được phép tiết lộ ở thế kỷ 20 nầy.

2.— CHƠN-TIÊN và THÁNH-THỀ :

Tường thuật sự gặp gỡ: Tiên, Đại-Tiên, Bồ-Tát và cách giao tiếp thân mật với các Ngài. Chúng ta sẽ vô cùng ngạc nhiên mà được biết những Đăng Chí Thánh như Đức Di-Lạc Bồ-Tát, Đức Jésus hiện nay vẫn còn giữ xác phàm, và ở lầu trên non cao, để giúp cho nhơn loại tiến hóa và thâu nhận đệ tử phàm tục. Thánh-thề và tôn nhan của Hai Ngài cùng các vị Tiên, Đại-Tiên, Đại-Thánh được miêu tả rõ từ chi tiết trong quyền sách này. Lạ lùng và vô cùng huyền bí.

3.— ĐỨC THẦY THÂU NHẬN ĐỆ TỬ :

Cách thức một Đại-Tiên (Thánh sư) thâu nhận đệ tử phàm tục. Học trò Tiên đệ tử Tiên, chúng ta thường nghe truyện Tàu nói phớt qua, chó không rõ các vị ấy được Thánh-sư (Thầy Tiên hay là Đức Thầy) thâu nhận và dạy dỗ cách nào. Tường thuật rõ trong quyền sách « Đức thầy thâu nhận đệ tử » để cống hiến cho bạn Đạo, một lớp mản thiêng-liêng huyền diệu trong lúc một Đại-Tiên thâu nhận đệ tử phàm tục.

4. — LỜI DẠY CỦA CHƠN-SƯ :

Lời lẽ phi phàm của Thánh-sư (Đại-Tiên) khuyên dạy đệ tử phàm

tục. Lời siêu phàm với một sức cảm hóa phi thường. Hữu phước thay cho những ai được đọc đến nó trong quyển sách «Lời dạy của Chơn-sư».

5.— CON ĐƯỜNG ĐI ĐẾN CHƠN TIỀN:

Quyển này, đào tạo con người đến bực Thánh-nhơn.

6. CON ĐƯỜNG GIẢI-THOÁT:

Phương-pháp tu-hành đề được giải-thoát kiếp làm người đau khổ để trở thành một Đấng siêu-nhơn Phật-Thánh-Tiên.

7.— ĐỜI ĐÁNG YÊU HAY ĐÁNG CHÂN:

Do bảy đoàn thể Tôn-giáo : 1 — Phật-giáo, 2 — Cao-đài-giáo, 3 — Tịnh-độ Cư-sĩ, 4 — Phụ-nữ Phật-tử, 5 — Phật-giáo nguyên-thủy (Kỳ-viên). 6 — Minh-lý, 7 — Thông-thiên-học, đem hết sự hiểu biết cao siêu của mình mà luận-giải chung một vấn-dề : «Đời đáng yêu hay đáng chán».

NHỮNG SÁCH ĐANG IN:

- 1.— Con đường của người đệ-tử.
- 2.— Thông-Thiên-Học thuần-túy.
- 3.— Thông-Thiên-Học khái-lược.
- 4.— Trước thềm Thánh-Điện.
- 5.— Thông-Thiên-Học trích yếu.
- 6.— Thông-Thiên-Học trong 25 bài giảng giải.
- 7.— Đời sống Huyền bí của con người.
- 8.— Sự bí mật của đời sống.
- 9.— Con người và những thề của nó.
- 10.— Đạt-Ma (Dharma).
- 11.— Luân-hồi, Nhân quả, hy sinh.
- 12.— Ba con đường.
- 13.— Nhơn danh Sư phụ.
- 14.— Hoa và vườn.
- 15.— Những bài diễn văn của Đức Jinarajadasa.
- 16.— Con đường phụng sự.
- 17.— Người phụng sự.
- 18.— Những bước đầu tiên trên con đường Huyền bí học.

Những sách kè trên có bán tại Chi-Bộ Từ-Bi Thông-Thiên-Học số 462 đại lộ Võ-di-Nguy, Phú Nhuận — SAIGON.

MỤC - LỤC

Thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang
1	Vài lời kính cáo	1
2	Lời nói đầu	1
3	Sự tạo-lập vũ-trụ	3
4	Thái-cực	3
5	Lưỡng-nghi	4
6	Cách sanh-hóa mặt trời	4
7	Cách sanh-hóa mặt trăng	5
8	Sự tích của mặt trăng	5
9	Cách sanh-hóa địa-cầu	6
10	Trái đất có nhiều chỗ giống như con người	7
11	Ngũ-tạng của trái đất	7
12	Trái đất sanh con	8
13	Trái đất có bộ máy hô-hấp	8
14	Trái đất có bộ máy tuần-hườn	8
15	Trái đất đau	9
16	Trái đất già	9
17	Trái đất sẽ chết	10
18	Tứ tượng	10
19	Cách sanh sản của con người	11
20	Cách phân rangü-tạng và làm thành thề xác con người.	12
21	Còn hai chất âm-dương	13
22	Những bộ mạch	14
23	Đồ hình thân-thề con người là bầu trời đất nhỏ	15
24	Chi nhánh lớn của ngũ-tạng, ngũ-quan	17
25	Nhánh nhóc nhỏ của ngũ-tạng	17
26	Năm ngón tay, ngón chân	18
27	Năm đầm trong bàn tay	18
28	Năm thứ phần	18

MỤC - LỤC

Thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang
29	Mùi vị của ngũ-hành	19
30	Những tình-cảm và tư-tưởng làm tăng ngũ-hành, làm hư ngũ-tạng	19
31	Cách sanh-hóa cầm thú	20
32	Cây cỏ và sắt đá	20
33	Y-lý đông-phương	22
34	Tại sao ngũ-tạng không điều-hòa ngũ-khí không đầy đủ?	23
35	Đau mắt do ngũ-hành xung khắc	24
36	Xem mạch biết được ngũ-tạng đau	25
37	Cách trị bệnh.	25
38	Khoa châm cứu	26
39	Truyền nhơn điện	27
40	Khoa tử-vi.	28
41	Giải-thích khoa tử-vi Á-đông	29
42	Tên 108 vị sao và ảnh hưởng.	29
43	Bầu trời và hoàng đạo	34
44	Làm sao mà biết được vận mạng và tương lai. .	35
45	Lá số (Horoscope) của người bị trời đánh .	37
46	Trời đánh nhầm lúc nào.	38
47	Tại sao người sanh nhầm giờ có sao linh-tinh chiếu vào thì bị trời đánh.	38
48	Một lá số khác làm quan võ, tu hành	39
49	Mỗi lá số phân ra 12 cung.	40
50	Lá số thứ ba bàn cung thê thiếp.	42
51	Lá số thứ tư giải-cung Tài-bạch	44
52	Giải nguyên lá số	45
53	Vài lời bình luận	55
54	Ngũ hành và các thứ thuộc về ngũ hành. . .	59